

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **97**/BDT - CSDT

Bắc Giang, ngày **20** tháng 03 năm 2019

Vv. đề nghị tham gia ý kiến vào
dự án nhân rộng mô hình giảm
nghèo năm 2019

Kính gửi:

- Sở Lao Động-Thương binh và Xã hội;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND tỉnh, về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019 (đợt 1). Trong đó Ban Dân tộc được UBND tỉnh giao Chủ đầu tư thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững năm 2019 (tiểu dự án 2 Dự án 2, thuộc Chương trình MTQGNN), với tổng kinh phí là 1.400 trđ (350 trđ/dự án).

Sau khi thống nhất với UBND huyện, xã; Ban Dân tộc xây dựng 04 Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo ở địa bàn 08 thôn, thuộc 04 xã: Lục Sơn, Bình Sơn - huyện Lục Nam; Đồng Hưu, Canh Nậu - huyện Yên Thế. Trước khi trình UBND tỉnh, Ban Dân tộc đề nghị Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đóng góp ý kiến vào dự thảo Tờ trình, dự thảo Dự án đề Ban Dân tộc tiếp thu chỉnh sửa, hoàn chỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Gửi kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo 04 Dự án đề các sở tham gia ý kiến; ý kiến tham gia (bằng văn bản) được gửi về Ban Dân tộc trước ngày 26/3/2019.

Đề nghị lãnh đạo các Sở quan tâm chỉ đạo./. *Q.*

Nơi nhận: *h*

- Như trên;
- Lưu: VT.
- * Bản điện tử:
- LĐ. CSDT. VP;

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Chu Quý Minh
Chu Quý Minh

Số: /TTr - BDT

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2019

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt các Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn trên địa bàn 08 thôn, bản của xã Bình Sơn, Lục Sơn – huyện Lục Nam, xã Đồng Hưu, Canh Nậu – huyện Yên Thế

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND tỉnh, về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019.

Căn cứ văn bản số 350./STC-QLGCS ngày 27/2/2019 của Sở Tài chính, về trả lời kết quả thẩm định giá giống cây ăn quả thuộc dự án 2 chương trình 135, năm 2019.

Căn cứ đề nghị của UBND các xã Bình Sơn, Lục Sơn – huyện Lục Nam, xã Canh Nậu, Đồng Hưu – huyện Yên Thế; sau quá trình khảo sát thực tế tại cơ sở, Ban Dân tộc trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn 08 thôn, bản của xã Bình Sơn, Lục Sơn – huyện Lục Nam, xã Đồng Hưu, Canh Nậu – huyện Yên Thế, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU DỰ ÁN

1. Mục tiêu chung: Khai thác có hiệu quả các nguồn lực để phát triển cây nhãn ghép và cây Hồng xiêm soài, qua đó góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, từng bước giảm nghèo bền vững cho các hộ tham gia dự án; góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn xã Bình Sơn, Lục Sơn – huyện Lục Nam, xã Đồng Hưu, Canh Nậu – huyện Yên Thế nói chung và 08 thôn triển khai dự án nói riêng. Từ thành công của dự án, tạo cơ sở nhân rộng mô hình ra các thôn, xã trong khu vực để dần hình thành vùng cây ăn quả tập chung theo hướng hàng hóa có giá trị cao.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng thành công mô hình trồng, phát triển vườn nhãn ghép và Hồng xiêm soài trên địa bàn 08 thôn của xã Bình Sơn, Lục Sơn – huyện Lục Nam. xã Canh Nậu, Đồng Hưu – huyện Yên Thế.

- Nâng cao trình độ, kỹ thuật trồng, chăm sóc vườn nhãn ghép và Hồng xiêm soài cho các hộ tham gia dự án và các hộ dân khác trên địa bàn các thôn triển khai dự án.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án cho cán bộ tham gia dự án.

II. TỔNG SỐ HỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Tổng số hộ và kinh phí

1.1. Tổng số hộ tham gia các dự án: 165 hộ, trong đó:

- Số hộ nghèo: 146 hộ;

- Số hộ cận nghèo: 19 hộ.

1.2. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện các dự án:

- Tổng kinh phí thực hiện các dự án: 1.621.800.000 đồng
(Bằng chữ: *Một tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, tám trăm ngàn đồng*)

Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 1.400.000.000 đồng;

(Bằng chữ: *Một tỷ, bốn trăm triệu đồng*);

+ Vốn đối ứng của các hộ dân: 221.800.000 đồng;

(Bằng chữ: *Hai trăm, hai mươi một triệu, tám trăm ngàn đồng*)

- Nguồn vốn thực hiện dự án: Từ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019 và vốn đối ứng của các hộ dân tham gia dự án.

- Kinh phí thực hiện quản lý và kiểm tra, giám sát thực hiện các dự án trong các năm 2019 - 2020 được sử dụng từ nguồn kinh phí Quản lý chỉ đạo, kiểm tra giám sát thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020 theo dự toán phân bổ hàng năm.

2. Các dự án cụ thể

2.1. Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo 01: Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép siêu ngọt tại thôn Khe Nghè, Đồng Vành 2 - xã Lục Sơn, huyện Lục Nam (Dự án 1).

- Số hộ tham gia dự án: 40 hộ nghèo;
- Kinh phí thực hiện dự án: 410.000.000 đồng, trong đó:
 - + Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;
 - + Nguồn đối ứng của các hộ: 60.000.000 đồng.

2.2. Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo 02: Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép T6 Hà Tây tại thôn Đồng Giàng, Bãi Cả - xã Bình Sơn, huyện Lục Nam (Dự án 2).

- Số hộ tham gia dự án: 45 hộ (26 hộ nghèo, 19 hộ cận nghèo)
- Kinh phí thực hiện dự án: 411.800.000 đồng, trong đó:
 - + Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;
 - + Nguồn đối ứng của các hộ: 61.800.000 đồng.

2.3. Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo 03: Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép T6 Hà Tây tại thôn Trại Mới, Mỏ Hương - xã Đồng Hương, huyện Yên Thế (Dự án 3).

- Số hộ tham gia dự án: 40 hộ nghèo;
- Kinh phí thực hiện dự án: 410.000.000 đồng, trong đó:
 - + Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;
 - + Nguồn đối ứng của các hộ: 60.000.000 đồng.

2.4. Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo 04: Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây Hồng xiêm Xoài tại bản Nà Táng, thôn Trại Sông – xã Canh Nậu, huyện Yên Thế (Dự án 4).

- Số hộ tham gia dự án: 40 hộ nghèo;
- Kinh phí thực hiện dự án: 390.000.000 đồng, trong đó:
 - + Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;
 - + Nguồn đối ứng của các hộ: 40.000.000 đồng.

(Có biểu dự toán kinh phí thực hiện 04 dự án chi tiết kèm theo)

III. NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC, PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Nội dung thực hiện các dự án

- Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền về dự án;

- Triển khai cấp giống cây và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện mô hình;
- Thăm quan, học tập kinh nghiệm các mô hình đã thành công, hiệu quả;
- Kiểm tra, giám sát, hội nghị sơ, tổng kết mô hình;

2. Định mức, phương thức hỗ trợ

2.1. Nguyên tắc chung

- Định mức hỗ trợ: Theo quy định tại Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ;

- Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng tiền, thông qua tổ chức mua sắm cây giống tập trung, sau đó cấp đến từng hộ và hỗ trợ tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyên gia khoa học kỹ thuật, tổ chức thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình cho các hộ tham gia dự án.

2.2. Mức hỗ trợ cho các hộ của từng dự án

2.2.1- 03 dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép trên địa bàn 06 thôn thuộc các xã Lục Sơn, Bình Sơn - huyện Lục Nam, Đông Hưu - huyện Yên Thế:

- Định mức hỗ trợ hộ nghèo 7.708.000 đồng/hộ, tương ứng cấp bằng hiện vật là 94 cây giống/hộ.

- Định mức hỗ trợ hộ cận nghèo 5.740.000 đồng/hộ, tương ứng cấp bằng hiện vật là 70 cây giống/hộ.

2.2.2- Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây Hồng xiêm xoài tại 02 thôn của xã Canh Nậu – huyện Yên Thế:

- Định mức hỗ trợ hộ nghèo 7.742.000 đồng/hộ, tương ứng cấp bằng hiện vật là 79 cây giống/hộ.

** Lý do 03 dự án trên địa bàn 06 thôn của xã Lục Sơn, Đông Hưu, Canh Nậu không đưa hộ cận nghèo tham gia dự án vì: Các dự án được triển khai thực hiện trên địa bàn 06 thôn, bản có số hộ nghèo lớn nên địa phương đề nghị tập trung hỗ trợ cho những hộ nghèo trước.*

(Có 04 dự án chi tiết kèm theo)

3. Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

IV. ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Đơn vị chủ trì: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang

2. Các đơn vị phối hợp: UBND huyện và Phòng Dân tộc huyện Lục Nam, Yên Thế; UBND xã Bình Sơn, Lục Sơn – huyện Lục Nam, xã Đồng Hưu, Canh Nậu – huyện Yên Thế.

Các đơn vị phối hợp thực hiện các nội dung: Khảo sát, lựa chọn địa điểm, lựa chọn hộ; tham gia triển khai một số hoạt động của dự án theo chức năng nhiệm vụ và phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án tại cơ sở.

V. HIỆU QUẢ CỦA CÁC DỰ ÁN

1. Hiệu quả về mặt xã hội

- Kết thúc dự án các hộ dân tham gia dự án sẽ nắm vững được quy trình kỹ thuật trồng cây nhãn ghép, cây Hồng xiêm xoài, có kinh nghiệm sản xuất. Từ đó tuyên truyền cho các hộ dân trong vùng để nhân rộng mô hình một cách có hiệu quả.

- Giúp thay đổi dần tập quán trồng trọt nhỏ lẻ sang trồng trọt tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước thay đổi nhận thức về đầu tư trong phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả trên địa bàn.

- Góp phần nâng cao kiến thức về quản lý kinh tế, kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

2. Hiệu quả kinh tế

- Cây giống nhãn ghép, thời gian trồng sau 03 năm sẽ bói quả và thu hoạch tăng dần từ năm thứ 4 trở đi. Năm thứ 4, mỗi cây trung bình cho 20 kg quả, với giá bán bình quân khoảng 18.000 đồng/kg; hộ được cấp 93 cây (tỷ lệ sống 90%), còn 84 cây x 20 kg/cây = 1.680 kg x 18.000 đồng/kg = 30.240.000 đồng; sau khi trừ chi phí trung bình khoảng mỗi năm khoảng 10.000.000 đồng (*Gồm các chi phí: vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công chăm sóc, thu hái, chi phí điện nước tưới tiêu...*), mỗi hộ còn lãi khoảng 20.000.000 đồng, tương đương thu nhập bình quân 1.600.000 đồng/tháng. Từ những năm sau sẽ cho thu nhập cao hơn do cây sinh trưởng và phát triển lớn hơn.

- Cây Hồng xiêm xoài cho quả sớm, năm thứ 3 đã cho quả. cây cho thu hoạch quanh năm. Cây 4 năm tuổi, cho năng suất khoảng 12 – 13 kg/năm (tương ứng 150 quả/cây/năm). Với giá bán bình quân khoảng 20.000 đồng/kg; hộ được cấp 80 cây (tỷ lệ sống 95%), còn 76 x 12 kg/cây = 912 kg x 20.000 đồng/kg = 18.240.000 đồng; Hồng xiêm xoài là loài cây dễ chăm sóc, ít sâu bệnh nên chi phí thấp, sau khi trừ chi phí trung bình khoảng mỗi năm khoảng 3.000.000 đồng (*Gồm các chi phí: vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công chăm sóc, thu hái, chi phí điện nước tưới tiêu...*), mỗi hộ còn lãi khoảng 15.000.000 đồng, tương đương thu nhập bình quân 1.250.000 đồng/tháng. Từ những năm sau sẽ cho thu nhập cao hơn do cây sinh trưởng và phát triển lớn hơn.

- Từ thành công của dự án sẽ tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho 165 hộ dân tham gia mô hình; từng bước giúp các hộ thoát nghèo, cận nghèo qua đó góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn xã.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Giao Ban Dân tộc triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ và nội dung đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí dự án theo quy định hiện hành.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì kiểm tra, giám sát thực hiện dự án theo quy định hiện hành;

- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học Nhà nước tỉnh phối hợp trong công tác quản lý, chỉ đạo, cấp phát, kiểm tra giám sát, hướng dẫn... theo chức năng nhiệm vụ ngành, đơn vị.

- UBND huyện Lục Nam, Yên Thế; UBND xã Bình Sơn, Lục Sơn – huyện Lục Nam, xã Đồng Hưu, Canh Nậu – huyện Yên Thế phối hợp trong tổ chức triển khai thực hiện dự án trên địa bàn.

Trên đây là nội dung đề nghị phê duyệt Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn trên địa bàn 08 thôn, bản của các xã: Bình Sơn, Lục Sơn - huyện Lục Nam, xã Đồng Hưu, Canh Nậu – huyện Yên Thế; Ban Dân tộc kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Kế toán Ban;
- Lưu: VT
- * Bản điện tử
- LĐ, CSDT, VP,

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Chu Quý Minh

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép giống siêu ngọt
tại thôn Khe Nghè và Đồng Vành 2, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

- ĐVT kinh phí: VN đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá/định mức chi (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
	Tổng số				410.000.000	
I	Chi xây dựng và quản lý dự án				13.580.000	Ngân sách NN
1	Chi nghiên cứu, lập dự án		1	500.000	500.000	
2	Chi hỗ trợ thành viên BDH dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dân thực hiện dự án	Ngày	112	70.000	7.840.000	
3	Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (<i>thuê cán bộ khuyến nông, khuyến lâm xã</i>) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ	Tháng	8	300.000	2.400.000	
4	Xăng xe cơ quan chủ trì, BDH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác				2.840.000	
II	Chi hoạt động chuyên môn				396.420.000	
1	<i>Giống cây nhãn ghép giống siêu ngọt (hỗ trợ 94 cây/hộ x 40 hộ = 3.760 cây)</i>	<i>Cây</i>	<i>3.760</i>	<i>82.000</i>	<i>308.320.000</i>	<i>Ngân sách NN</i>
2	<i>Vật tư, phân bón</i>	<i>Cây</i>	<i>3.760</i>		<i>60.000.000</i>	<i>Đổi ứng của hộ</i>
3	<i>Tập huấn, chuyển giao KHKT (Hội nghị tổ chức trong 02 ngày)</i>				<i>16.000.000</i>	<i>Ngân sách NN</i>
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (80.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	160.000	6.400.000	
-	Nước uống (30.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	60.000	2.400.000	
-	Phô tô tài liệu, VPP	Bộ	40	20.000	800.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	4	300.000	1.200.000	
-	Thuê hội trường tại UBND xã	Ngày	2	1.500.000	3.000.000	
-	Máy chiếu, máy vi tính	Ngày	2	1.000.000	2.000.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	

4	Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình				7.800.000	Ngân sách NN
-	Thuê xe (1 ca xe x 40 người/xe)	Ca xe	1	4.000.000	4.000.000	
-	Tiền ăn	Người	40	80.000	3.200.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	300.000	600.000	
5	Hội sơ kết dự án (trong 1/2 ngày)				4.300.000	Ngân sách NN
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương	Người	40	40.000	1.600.000	
-	Nước uống	Người	40	15.000	600.000	
-	Phô tô tài liệu	Bộ	40	10.000	400.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	
-	Thuê hội trường	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	

DỰ TOÁN KINH PHÍ
Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép T6 Hà Tây
tại thôn Đồng Giàng và Bãi Cả, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

- DVT kinh phí: VN đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá/định mức chi (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
	Tổng số				411.800.000	
I	Chi xây dựng và quản lý dự án				12.639.000	Ngân sách NN
1	Chi nghiên cứu, lập dự án		1	500.000	500.000	
2	Chi hỗ trợ thành viên BÐH dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án	Ngày	112	70.000	7.840.000	
3	Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (<i>thuê cán bộ khuyến nông, khuyến lâm xã</i>) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ	Tháng	8	300.000	2.400.000	
4	Xăng xe cơ quan chủ trì, BÐH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác		1		1.899.000	
II	Chi hoạt động chuyên môn				399.161.000	
1	<i>Giống cây nhãn ghép T6 Hà Tây</i>	<i>Cây</i>	<i>3.748</i>		<i>307.336.000</i>	<i>Ngân sách NN</i>
-	Hộ nghèo (hỗ trợ 93 cây/hộ x 26 hộ = 2.418 cây)	Cây	2.418	82.000	198.276.000	
-	Hộ cận nghèo (hỗ trợ 70 cây/hộ x 19 hộ = 1.330 cây)	Cây	1.330	82.000	109.060.000	
2	<i>Vật tư, phân bón</i>	<i>Cây</i>	<i>3.748</i>		<i>61.800.000</i>	<i>Đổi ứng của hộ</i>
3	<i>Tập huấn, chuyển giao KHKT (Hội nghị tổ chức trong 02 ngày)</i>				<i>17.200.000</i>	<i>Ngân sách NN</i>
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (80.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	45	160.000	7.200.000	
-	Nước uống (30.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	45	60.000	2.700.000	
-	Phô tô tài liệu, VPP	Bộ	45	20.000	900.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	4	300.000	1.200.000	
-	Thuê hội trường tại UBND xã	Ngày	2	1.500.000	3.000.000	

-	Máy chiếu, máy vi tính	Ngày	2	1.000.000	2.000.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	
4	Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình				8.200.000	Ngân sách NN
-	Thuê xe (1 ca xe x 45 người/xe)	Ca xe	1	4.000.000	4.000.000	
-	Tiền ăn	Người	45	80.000	3.600.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	300.000	600.000	
5	Hội sơ kết dự án (trong 1/2 ngày)				4.625.000	Ngân sách NN
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương	Người	45	40.000	1.800.000	
-	Nước uống	Người	45	15.000	675.000	
-	Phô tô tài liệu	Bộ	45	10.000	450.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	
-	Thuê hội trường	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	

DỰ TOÁN KINH PHÍ

**Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhân ghép T6 Hà Tây
tại thôn Trại Mới và Mỏ Hương, xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

- ĐVT kinh phí: VN đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá/định mức chi (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
	Tổng số				410.000.000	
I	Chi xây dựng và quản lý dự án				13.580.000	Ngân sách NN
1	Chi nghiên cứu, lập dự án		1	500.000	500.000	
2	Chi hỗ trợ thành viên BDH dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dân thực hiện dự án	Ngày	112	70.000	7.840.000	
3	Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (<i>thuê cán bộ khuyến nông, khuyến lâm xã</i>) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ	Tháng	8	300.000	2.400.000	
4	Xăng xe cơ quan chủ trì, BDH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác				2.840.000	
II	Chi hoạt động chuyên môn				396.420.000	
1	<i>Giống cây nhân ghép T6 Hà Tây (hỗ trợ 94 cây/hộ x 40 hộ = 3.760 cây)</i>	Cây	3.760	82.000	308.320.000	<i>Ngân sách NN</i>
2	<i>Vật tư, phân bón</i>	Cây	3.760		60.000.000	<i>Đổi ứng của hộ</i>
3	<i>Tập huấn, chuyển giao KHKT (Hội nghị tổ chức trong 02 ngày)</i>				16.000.000	<i>Ngân sách NN</i>
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (80.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	160.000	6.400.000	
-	Nước uống (30.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	60.000	2.400.000	
-	Phô tô tài liệu, VPP	Bộ	40	20.000	800.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	4	300.000	1.200.000	
-	Thuê hội trường tại UBND xã	Ngày	2	1.500.000	3.000.000	
-	Máy chiếu, máy vi tính	Ngày	2	1.000.000	2.000.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	

4	<i>Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình</i>				7.800.000	<i>Ngân sách NN</i>
-	Thuê xe (1 ca xe x 40 người/xe)	Ca xe	1	4.000.000	4.000.000	
-	Tiền ăn	Người	40	80.000	3.200.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	300.000	600.000	
5	<i>Hội sơ kết dự án (trong 1/2 ngày)</i>				4.300.000	<i>Ngân sách NN</i>
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương	Người	40	40.000	1.600.000	
-	Nước uống	Người	40	15.000	600.000	
-	Phô tô tài liệu	Bộ	40	10.000	400.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	
-	Thuê hội trường	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	

DỰ TOÁN KINH PHÍ

**Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây Hồng xiêm xoài
tại thôn Nà Táng và Trại Sông, xã Canh Nậu, huyện Yên Thế**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

- DVT kinh phí: VN đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá/định mức chi (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
	Tổng số				390.000.000	
I	Chi xây dựng và quản lý dự án				12.220.000	Ngân sách NN
1	Chi nghiên cứu, lập dự án		1	500.000	500.000	
2	Chi hỗ trợ thành viên BDH dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dân thực hiện dự án	Ngày	112	70.000	7.840.000	
3	Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (<i>thuê cán bộ công tác khuyến nông, khuyến lâm xã</i>) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ	Tháng	8	300.000	2.400.000	
4	Xăng xe cơ quan chủ trì, BDH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác		1	640.000	1.480.000	
II	Chi hoạt động chuyên môn				377.780.000	
1	<i>Giống cây Hồng xiêm xoài (hỗ trợ 79 cây/hộ x40 hộ = 3.160 cây)</i>	<i>Cây</i>	<i>3.160</i>	<i>98.000</i>	<i>309.680.000</i>	<i>Ngân sách NN</i>
2	<i>Vật tư, phân bón</i>	<i>Cây</i>	<i>3.160</i>		<i>40.000.000</i>	<i>Đổi ứng của hộ</i>
3	<i>Tập huấn, chuyển giao KHKT (Hội nghị tổ chức trong 02 ngày)</i>				<i>16.000.000</i>	<i>Ngân sách NN</i>
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (80.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	160.000	6.400.000	
-	Nước uống (30.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	60.000	2.400.000	
-	Phô tô tài liệu, VPP	Bộ	40	20.000	800.000	
-	Thủ lao báo cáo viên	Buổi	4	300.000	1.200.000	
-	Thuê hội trường tại UBND xã	Ngày	2	1.500.000	3.000.000	

-	Máy chiếu, máy vi tính	Ngày	2	1.000.000	2.000.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	
4	Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình				7.800.000	Ngân sách NN
-	Thuê xe (1 ca xe x 40 người/xe)	Ca xe	1	4.000.000	4.000.000	
-	Tiền ăn	Người	40	80.000	3.200.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	300.000	600.000	
5	Hội sơ kết dự án (trong 1/2 ngày)				4.300.000	Ngân sách NN
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương	Người	40	40.000	1.600.000	
-	Nước uống	Người	40	15.000	600.000	
-	Phô tô tài liệu	Bộ	40	10.000	400.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	
-	Thuê hội trường	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	

DỰ THẢO

DỰ ÁN NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

**Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép giống siêu ngọt
tại thôn Khe Nghè và thôn Đồng Vành 2, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam**
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: *Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn giống siêu ngọt
thôn Khe Nghè và thôn Đồng Vành 2, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam*

2. Cơ quan quản lý dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

3. Cơ quan chủ trì thực hiện Dự án: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang

- Địa chỉ: Tầng 5, Khu nhà liên cơ quan khối Đảng, Đoàn thể - Quảng trường
3/2. Thành phố Bắc Giang.

- Điện thoại: 0204.3554.077

4. Các cơ quan phối hợp:

- UBND huyện Lục Nam;

- Phòng Dân tộc huyện Lục Nam;

- UBND xã Lục Sơn, huyện Lục Nam.

5. Địa bàn và thời gian thực hiện triển khai dự án:

- Địa bàn triển khai dự án: Thôn Khe Nghè và thôn Đồng Vành 2, xã Lục Sơn,
huyện Lục Nam.

- Thời gian thực hiện : 02 năm, từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

6. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện dự án:

- Tổng kinh phí thực hiện dự án: 410.000.000 đồng, trong đó:

(Bằng chữ: *Bốn trăm, mười triệu đồng*)

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;

(Bằng chữ: *Ba trăm, năm mươi triệu đồng*)

+ Nguồn đối ứng của các hộ: 60.000.000 đồng.

- Nguồn vốn thực hiện dự án: Từ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo
bền vững năm 2019 và vốn đối ứng của các hộ dân tham gia dự án.

II. TÍNH CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ ÁN

1. Tính cần thiết

Thôn Khe Nghè và Đồng Vành 2 là hai trong 17 thôn của xã Lục Sơn, là các thôn
đặc biệt khó khăn nhất tỉnh giai đoạn 2016 - 2021; địa hình chủ yếu là đồi núi dốc, với
diện tích tự nhiên là 2.929,75 ha, trong đó chủ yếu là diện tích đất lâm nghiệp

2.835,6 ha (rừng tự nhiên/tái sinh là 2.595,6 ha; rừng sản xuất là 240 ha), diện tích đất nông nghiệp là 94 ha và đất khác là 0,15 ha. Tổng dân số của hai thôn là 223 hộ với 905 khẩu, trong đó người dân tộc thiểu số là 184 hộ, chiếm 82,5% tổng số hộ.

Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ của Đảng và Nhà nước thông qua các chương trình, chính sách dân tộc, cùng với sự nỗ lực cố gắng của người dân. Kinh tế - xã hội và đời sống của các hộ dân trong thôn Khe Nghè và Đồng Vành 2 đã có những chuyển biến nhất định, tuy nhiên do điều kiện tự nhiên không thuận lợi, diện tích canh tác ít, tập quán sản xuất, canh tác còn lạc hậu... nên đời sống của đa số hộ dân còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo là 93/223 hộ, chiếm 41,70%. Nguồn thu nhập chủ yếu của người dân trong hai thôn chủ yếu dựa vào rừng, lúa và một số cây ăn quả như vải thiều, nhãn, trong đó cây nhãn được coi là cây chủ lực do sự thích nghi với khí hậu, nông hóa, thổ nhưỡng nơi đây. Trong vài năm trở lại đây, cùng với xu hướng, nhu cầu của thị trường, một số hộ dân trong thôn đã tập trung phát triển vườn nhãn, với sự thử nghiệm nhiều loại cây nhãn khác nhau nhằm lựa chọn tạo ra giống cây phù hợp nhất để phát triển thành thương hiệu riêng. Trong đó, giống nhãn siêu ngọt được một số hộ trồng đã cho sản lượng, chất lượng, giá trị kinh tế cao. Qua khảo sát nhu cầu của các hộ cho thấy, đa số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn thôn Khe Nghè và Đồng Vành 2 có nhu cầu trồng cây nhãn siêu ngọt, tuy nhiên do điều kiện kinh tế của các hộ dân trong thôn còn khó khăn, thiếu kinh phí để mua giống, thiếu kỹ thuật trồng, chăm sóc thu hoạch cây nhãn siêu ngọt.

Để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chuyển đổi giống cây trồng mới, nhằm khai thác tiềm năng sẵn có của thôn, giúp nâng cao thu nhập và từng bước cải thiện đời sống cho người dân, tiến tới giảm nghèo bền vững cần sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước. Do đó việc xây dựng, triển khai thực hiện nhân rộng mô hình trồng cây nhãn siêu ngọt cho các hộ dân tại thôn Khe Nghè và Đồng Vành 2 là việc làm cần thiết và phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi đây, đáp ứng được nhu cầu của người dân trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với khả năng canh tác, bắt kịp xu hướng thị trường từng bước hình thành vườn cây ăn quả cho giá trị kinh tế cao, qua đó giúp phát triển kinh tế hộ, vươn lên giảm nghèo một cách bền vững.

2. Căn cứ xây dựng dự án

2.1. Những căn cứ pháp lý

- Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 3073/QĐ-BNN –KHCN ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp, về việc ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư;

- Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND tỉnh, về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019.

Căn cứ văn bản số 350/STC-QLGCS ngày 27/02/2019 của Sở Tài chính, về kết quả thẩm định giá của nhà nước về giá cây giống nhãn ghép siêu ngọt năm 2019.

III. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, NỘI DUNG HỖ TRỢ VÀ ĐỐI ƯNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: Khai thác có hiệu quả các nguồn lực để phát triển vườn cây nhãn ghép giống siêu ngọt, qua đó góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, từng bước giảm nghèo bền vững cho các hộ tham gia dự án; góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn thôn Khe Nghè và thôn Đồng Vành 2, xã Lục Sơn – huyện Lục Nam. Từ thành công của dự án, tạo cơ sở nhân rộng mô hình ra các thôn, xã trong khu vực để dần hình thành vùng cây ăn quả tập chung theo hướng hàng hóa có giá trị cao.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng thành công mô hình trồng, phát triển vườn nhãn ghép giống siêu ngọt cho 40 hộ dân tham gia dự án trên địa bàn thôn Khe Nghè và thôn Đồng Vành 2 – xã Lục Sơn – huyện Lục Nam;

- Nâng cao trình độ, kỹ thuật trồng, chăm sóc vườn nhãn ghép cho các hộ tham gia dự án và các hộ dân khác trên địa bàn 02 thôn triển khai dự án.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án cho cán bộ tham gia dự án và cán bộ 02 thôn.

2. Thời gian, nội dung hỗ trợ và đối ứng

2.1. Thời gian thực hiện dự án: 02 năm, từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

2.2. Nội dung hỗ trợ và đối ứng

a. Hỗ trợ từ ngân sách:

- Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền về dự án;

- Triển khai cấp giống cây và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện mô hình;

- Thăm quan, học tập kinh nghiệm các mô hình đã thành công, hiệu quả;

- Kiểm tra, giám sát, hội nghị sơ, tổng kết mô hình;

b. Đối ứng của các hộ tham gia dự án:

- Bố trí diện tích đất và nhân lực để trồng, chăm sóc cây trồng thuộc dự án:

- Chuẩn bị trang vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các thiết bị, dụng cụ cần thiết để trồng, chăm sóc cây;

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan và cán bộ tham gia dự án trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

IV. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN, TIẾN ĐỘ VÀ DỰ KIẾN CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN

1. Nội dung triển khai dự án

1.1. Điều tra, khảo sát, xác định nhu cầu và lựa chọn các hộ tham gia dự án

1- Điều tra, khảo sát, đánh giá, tổng hợp nhu cầu tham gia mô hình của các hộ nghèo tại thôn Khe Nghè và thôn Đồng Vành 2 - xã Lục Sơn và điều kiện phát triển cây nhãn ghép giống siêu ngọt để triển khai thực hiện mô hình trên địa bàn.

- Nội dung điều tra, khảo sát:

+ Thực trạng địa hình, đất sản xuất và các điều kiện tự nhiên phù hợp cho phát triển cây nhãn ghép giống siêu ngọt.

+ Khảo sát về đời sống, kinh tế xã hội của thôn triển khai dự án.

+ Nhu cầu trồng và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

+ Định hướng phát triển nông nghiệp tại địa phương về việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

- Tiêu chí lựa chọn hộ tham gia dự án:

+ Là hộ nghèo, cận nghèo; ưu tiên hộ nghèo người dân tộc thiểu số.

+ Có diện tích đất canh tác (vườn, bãi, chân ruộng cao), có nhân lực và khả năng lao động; tự nguyện tham gia mô hình và có khả năng đối ứng để tham gia mô hình.

+ Có cam kết và kế hoạch thoát nghèo, cận nghèo.

2- Thành phần tham gia điều tra, đánh giá và xây dựng kế hoạch gồm: Cán bộ Ban Dân tộc; đại diện Lãnh đạo UBND xã Lục Sơn, cán bộ làm công tác khuyến nông xã, Trưởng/phó thôn Khe Nghè và thôn Đồng Vành 2.

1.2. Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền về dự án

1.2.1. Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật

- Đơn vị tổ chức: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang;

- Đơn vị chuyển giao, tập huấn: Đơn vị cung ứng giống cây và cán bộ chuyên môn;

- Đơn vị phối hợp: UBND xã Lục Sơn, Ban quản lý thôn Khe Nghè và thôn Đồng Vành 2, cán bộ làm công tác khuyến nông khuyến lâm xã...

- Nội dung tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật: Quy trình kỹ thuật trồng,

chăm sóc cây nhãn ghép giống siêu ngọt; quy trình kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh; quy trình kỹ thuật kích thích ra hoa, đậu quả, thu hái và bảo quản....

- Đối tượng tham gia các buổi tập huấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật: Thành viên lao động chính của các hộ dân tham gia dự án; thành viên Ban quản lý thôn, cán bộ khuyến nông khuyến lâm xã...

- Địa điểm tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các hộ tham gia mô hình là tại địa bàn xã triển khai thực hiện dự án.

1.2.2. Thông tin tuyên truyền về dự án

- Nội dung thông tin, tuyên truyền:

+ Chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo;

+ Tổ chức thông báo công khai trên hệ thống truyền thanh tại địa bàn triển khai dự án và thông qua các ngành, đoàn thể cơ sở, các cuộc họp dân về đối tượng được tham gia dự án, cách xác định đối tượng tham gia dự án, trình tự thực hiện dự án, thời gian thực hiện dự án, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ của dự án, nguồn vốn của dự án.

- Hình thức tuyên truyền: Thông qua các đợt tập huấn, họp thôn và hệ thống loa phát thanh của 02 thôn triển khai dự án.

1.3. Triển khai cấp giống cây và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện mô hình

1.3.1. Triển khai cấp cây, trồng và chăm sóc

- Số hộ tham gia: 40 hộ nghèo;

- Tổng diện tích tham gia: 7,32 ha;

- Tổng số cây giống hỗ trợ: 3.760 cây;

Cây ghép được ươm trong bầu đất, kích thước bầu 17 x20 cm; chiều cao cây 1,4 m – 1,7 m; đường kính gốc 1,8 – 2,1 cm. Giống tốt, sống khỏe, không sâu bệnh, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định. Được cung cấp bởi đơn vị uy tín, được cấp phép chuyên sản xuất, cung ứng giống cây trồng nông nghiệp tại tỉnh Hưng Yên.

- Định mức và phương thức hỗ trợ cây giống: Định mức hỗ trợ 7.708.000 đồng/hộ, được cấp bằng hiện vật là 94 cây giống/hộ.

- Vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công lao động.... do các hộ tham gia dự án đối ứng.

(Có danh sách 40 hộ tham gia dự án và chi tiết định mức hỗ trợ giống nhãn siêu ngọt và đối ứng của các hộ theo Biểu 01/DA1 đính kèm theo)

1.3.2. Hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật trong quá trình thực hiện mô hình

- Đơn vị thực hiện: Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình, cán bộ khuyến nông - khuyến lâm xã;

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

1.4. Thăm quan, học tập kinh nghiệm

- Đơn vị tổ chức: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang;

- Đơn vị phối hợp: UBND xã Lục Sơn, Ban quản lý thôn Khe Nghè và thôn Đồng Vành 2, cán bộ làm công tác khuyến nông khuyến lâm xã...

- Đối tượng tham gia: Ban điều hành dự án; đại diện 40 hộ dân tham gia dự án.

- Địa điểm: Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình đã thành công tại tỉnh Hưng Yên, Hải Dương hoặc một số nhà vườn (nếu có) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã trồng, cho thu hoạch hiệu quả đối với giống nhãn siêu ngọt.

1.5. Kiểm tra, giám sát, hội nghị, hội thảo và sơ, tổng kết mô hình

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động, tiến độ thực hiện mô hình. Tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo, nghiệm thu, sơ, tổng kết mô hình tại các địa phương triển khai thực hiện dự án.

- Đơn vị thực hiện: Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình, cán bộ khuyến nông – khuyến lâm xã;

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

2. Các giải pháp thực hiện dự án

2.1. Giải pháp về tổ chức, quản lý

2.1.1. Ban Dân tộc thành lập Ban điều hành dự án

- Thành viên tham gia Ban điều hành dự án, bao gồm: Đại diện lãnh đạo Ban Dân tộc và cán bộ phòng chuyên môn thuộc Ban; đại diện lãnh đạo Phòng Dân tộc huyện Lục Sơn và đại diện lãnh đạo UBND xã Lục Sơn.

- Nhiệm vụ của Ban điều hành dự án: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện khảo sát, xây dựng và triển khai thực hiện các dự án; tổ chức mua cây giống cấp phát, bàn giao cho các hộ dân được phê duyệt tham gia dự án; triển khai công tác tập huấn, thăm quan mô hình cho các hộ dân tham gia dự án; chỉ đạo và kiểm tra các hộ tham gia dự án thực hiện đúng các nội dung và quy chế hoạt động của Ban điều hành dự án; tổ chức sơ, tổng kết các dự án và hoàn thiện các thủ tục, chứng từ thanh quyết toán kinh phí thực hiện dự án theo quy định hiện hành...

2.1.2. Thành lập Tổ thực hiện mô hình

- Thành viên tham gia Tổ thực hiện mô hình, bao gồm: Cán bộ làm công tác khuyến nông xã Lục Sơn, Trưởng/phó thôn Khe Nghè, Đồng Vành 2 và cán bộ chuyên quản của Ban Dân tộc.

- Nhiệm vụ của Tổ thực hiện mô hình: Tham mưu giúp Ban điều hành triển khai thực hiện các nội dung của dự án trên địa bàn thôn, xã triển khai dự án; trực tiếp hướng dẫn, nghiệm thu các phần việc đối ứng của hộ và thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo việc triển khai mô hình tại cơ sở.

2.1.3. Về công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá mô hình

Ban Điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc triển khai thực hiện mô hình của các hộ dân; tập trung vào thời gian trồng, chăm sóc khi cây cho thu hoạch quả. Hàng năm Chủ đầu tư có báo cáo kết quả thực hiện dự án, cuối năm 2019 có báo cáo đánh giá giữa kỳ và cuối năm 2020 có

báo cáo tổng kết dự án.

2.2. Giải pháp về tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật và thông tin tuyên truyền về dự án

- Đơn vị cung ứng giống nhãn siêu ngọt có trách nhiệm cử chuyên gia, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm trong đơn vị để thực hiện chuyển giao công nghệ thông qua tập huấn và hướng dẫn thực hành trên thực địa triển khai dự án.

- Để tiếp nhận và vận dụng tốt các quy trình công nghệ được chuyển giao, Ban điều hành dự án sẽ chủ động phối hợp cán bộ làm công tác khuyến nông cơ sở xã là người địa phương tham gia chỉ đạo dự án.

- Đối tượng được tập huấn là những người trực tiếp tham gia triển khai dự án, Ban quản lý thôn Khe Nghè và thôn Đồng Vành 2, các hộ dân tham gia dự án và một số hộ dân vùng dự án nhằm tiếp thu và làm chủ công nghệ được chuyển giao để chủ động nhân rộng mô hình trồng cây nhãn siêu ngọt. Các hộ tham gia phải được đào tạo trước để nắm được quy trình công nghệ để thực hiện ngay từ giai đoạn đầu của dự án.

- Tập huấn được tiến hành ngay tại thôn, xã nơi thực hiện dự án, theo phương thức chuyển giao kiến thức trên lớp và hướng dẫn cầm tay chỉ việc tại thực địa.

2.3. Giải pháp về nguồn vốn

Để dự án được triển khai đảm bảo tiến độ, tính khả thi, tính bền vững và nhân rộng mô hình cần có sự tham gia của nhiều nguồn vốn đặc biệt là vốn đối ứng của người dân. Do đó, cơ quan Chủ đầu tư dự án đã triển khai đầy đủ, kịp thời, chi tiết đến các hộ về phương án đối ứng, để các hộ chủ động chuẩn bị đất đai, vật tư, công lao động tham gia vào dự án.

Dự án bao gồm các nguồn vốn sau:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ:

+ Hỗ trợ bằng tiền thông qua cấp cây giống;

+ Hỗ trợ tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân tham gia mô hình; hướng dẫn kỹ thuật trong quá trình thực hiện mô hình.

+ Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình đã thành công.

+ Chi phục vụ kiểm tra, giám sát, hội nghị, sơ kết, tổng kết, chi khác...

- Nguồn vốn tự có của các hộ dân (vốn đối ứng): Vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, trang thiết bị, dụng cụ cần thiết để trồng và chăm sóc cây; công lao động

2.4. Giải pháp về mặt bằng diện tích xây dựng mô hình

- Sử dụng những diện tích đất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch, với điều kiện sinh trưởng, phát triển của cây nhãn siêu ngọt..

- Phát triển mô hình dựa trên cơ sở đất đai, cơ sở hạ tầng và phù hợp với điều

kiện kinh tế, văn hóa xã hội của người dân địa phương.

2.5. Giải pháp về kỹ thuật

- Để triển khai dự án, Ban Dân tộc mời và huy động những cán bộ, kỹ sư, chuyên gia có am hiểu phong tục, tập quán vùng đồng bào dân tộc; am hiểu, nắm rõ điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu vùng triển khai dự án; có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nhãn siêu ngọt.

- Các chuyên gia, kỹ sư nông nghiệp, lâm nghiệp tham gia ngay từ bước khảo sát, điều tra, xây dựng đến khi kết thúc dự án.

- Các quy trình, kỹ thuật trồng chăm sóc cây nhãn siêu ngọt được xây dựng chi tiết, đúng quy trình nhằm tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân.

3. Tiến độ thực hiện

TT	Các nội dung công việc thực hiện chủ yếu	Sản phẩm đạt được	Thời gian (BĐ-KT)	Người, cơ quan thực hiện
1	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu và lựa chọn hộ tham gia dự án	Dữ liệu về tự nhiên và kinh tế - xã hội vùng triển khai dự án, biên bản họp dân lựa chọn hộ....	01-3/2019	Ban Dân tộc, UBND xã Lục Sơn
2	Xây dựng dự án, trình thẩm định và phê duyệt dự án	Dự án được thẩm định và phê duyệt	02-3/2019	Ban điều hành dự án, Phòng Chính sách dân tộc – Ban Dân tộc
3	Triển khai lựa chọn đơn vị cung ứng giống cây nhãn siêu ngọt	Theo đúng quy định của Luật đấu thầu	3-5/2019	Ban điều hành dự án, Phòng Chính sách dân tộc – Ban Dân tộc
4	Tập huấn kỹ thuật cho hộ dân	Tập huấn các hộ tham gia dự án, người dân khác có nhu cầu, cán bộ BQL thôn: nắm được quy trình kỹ thuật trồng cây nhãn siêu ngọt.	5-6/2019	Ban điều hành dự án: các đơn vị, cá nhân liên quan
5	Thăm quan, học tập mô hình	Tổ chức cho đại diện các hộ dân tham gia dự án và Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện dự án thăm quan, học tập thực tiễn từ các mô hình đã thành công	5-6/2019	Ban điều hành dự án: các đơn vị, cá nhân liên quan

6	Triển khai cấp cây giống cho các hộ tham gia dự án	Cây giống đảm bảo quy cách, chất lượng theo đúng hợp đồng	5-6/2019	Ban điều hành dự án; UBND xã Lục Sơn, các đơn vị, cá nhân liên quan
7	Tổ chức hội nghị sơ kết dự án	Báo cáo sơ kết 01 năm triển khai thực hiện dự án	12/2019	Ban Dân tộc tỉnh; Ban điều hành dự án.
8	Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật đối với các hộ tham gia dự án	Nắm bắt thường xuyên, kịp thời quá trình sinh trưởng, phát triển của cây trồng cấp phát cho các hộ; hướng dẫn kỹ thuật, công tác chuẩn bị đất, đào hố và quá trình trồng, chăm sóc cây	5/2019 - 12/2020	Ban điều hành dự án; UBND xã Lục Sơn, các đơn vị, cá nhân liên quan
9	Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát dự án	Thường xuyên	5/2019 - 12/2020	Ban điều hành dự án
10	Tổng kết dự án, đề xuất nhân rộng mô hình	Báo cáo kết luận dự án và hiệu quả kinh tế của mô hình và đề xuất phương án phát triển nhân rộng	12/2020	Ban Dân tộc tỉnh; Ban điều hành dự án.

4. Sản phẩm của dự án

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật
1	Mô hình trồng cây nhãn siêu ngọt	Hộ	40	- Tỷ lệ cây sống trên 90% - Sau khi trồng từ 3 - 4 tháng cây ra lộc, sinh trưởng tốt.
		Diện tích (ha)	7,32	
		Số cây hỗ trợ	3.760	
2	Tập huấn cho các hộ tham gia mô hình và thành viên BQL thôn	Lượt người	40 -50	Hiểu và nắm được quy trình kỹ thuật thực hiện được trong quá trình trồng cây nhãn siêu ngọt
3	Báo cáo sơ kết giữa kỳ, báo cáo tổng kết toàn diện kết quả thực hiện dự án	Báo cáo	02	Đảm bảo khách quan, đầy đủ và chất lượng

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ

1. Chi xây dựng và quản lý dự án: 13.580.000 đồng.

- Chi nghiên cứu, lập dự án: 500.000 đồng;

- Chi hỗ trợ thành viên Ban điều hành dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án: 7.840.000 đồng;

- Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (*thuê cán KNKL xã*) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ: 2.400.000 đồng.

- Chi xăng xe cơ quan chủ trì, BĐH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác: 2.840.000 đồng.

2. Chi hoạt động chuyên môn: 396.420.000 đồng

- Chi cây giống nhãn siêu ngọt: 308.320.000 đồng;

- Chi vật tư, phân bón (đôi ứng của các hộ): 60.000.000 đồng;

- Chi tập huấn, chuyển giao KHKT: 16.000.000 đồng;

- Chi thăm quan, học tập mô hình: 7.800.000 đồng;

- Chi hội nghị tổng kết dự án: 4.300.000 đồng.

*** Tổng kinh phí thực hiện dự án: 410.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: *Bốn trăm, mười triệu đồng*)

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;

(Bằng chữ: *Ba trăm, năm mươi triệu đồng*)

- Nguồn đôi ứng của các hộ: 60.000.000 đồng.

(*Có dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án theo Biểu 02/DA1 đính kèm*)

VI. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN SAU KHI KẾT THÚC DỰ ÁN

1. Dự kiến hiệu quả của dự án

2.1. Hiệu quả về mặt xã hội

- Kết thúc dự án các hộ dân tham gia dự án sẽ nắm vững được quy trình kỹ thuật và kinh nghiệm trồng cây nhãn ghép. Từ đó tuyên truyền, phổ biến cho các hộ dân trong vùng để nhân rộng mô hình một cách có hiệu quả.

- Giúp thay đổi dần tập quán trồng trọt nhỏ lẻ sang trồng trọt tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước thay đổi nhận thức về đầu tư trong phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả trên địa bàn.

- Góp phần nâng cao kiến thức về quản lý kinh tế, kỹ năng xây dựng và tổ chức

thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

2.2. Hiệu quả kinh tế

- Cây giống nhãn ghép, thời gian trồng sau 03 năm sẽ bói quả và thu hoạch tăng dần từ năm thứ 4 trở đi. Năm thứ 4, mỗi cây trung bình cho 20 kg quả, với giá bán bình quân khoảng 18.000 đồng/kg; hộ được cấp 93 cây (tỷ lệ sống 90%), còn 84 cây x 20 kg/cây = 1.680 kg x 18.000 đồng/kg = 30.240.000 đồng; sau khi trừ chi phí trung bình khoảng mỗi năm khoảng 10.000.000 đồng (*Gồm các chi phí: vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công chăm sóc, thu hái, chi phí điện nước tưới tiêu...*), mỗi hộ còn lãi khoảng 20.000.000 đồng, tương đương thu nhập bình quân 1.600.000 đồng/tháng. Từ những năm sau sẽ cho thu nhập cao hơn do cây sinh trưởng và phát triển lớn hơn.

- Từ thành công của dự án thành công sẽ tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho 40 hộ dân tham gia mô hình; từng bước giúp các hộ thoát nghèo, cận nghèo qua đó góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn xã.

2. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án

- Về tổ chức hoạt động: Sau khi kết thúc dự án, Đơn vị chủ trì (Ban Dân tộc), Ban điều hành dự án bàn giao mô hình cho UBND xã Lục Sơn quản lý và chỉ đạo (có bản cam kết của xã và cam kết của các hộ tham gia, duy trì và nhân rộng mô hình). Cán bộ làm công tác khuyến nông – khuyến lâm xã và hộ tham gia dự án sẽ làm chủ khoa học kỹ thuật và phát triển nhân rộng mô hình.

- Mô hình trồng, phát triển cây nhãn siêu ngọt là một trong những mô hình sản xuất có hiệu quả được sử dụng cho các thôn, xã trong và ngoài huyện Lục Nam thăm quan học tập và áp dụng để nhân rộng mô hình./.

BAN DÂN TỘC TỈNH BẮC GIANG

BIỂU 01/DA1

**DANH SÁCH 40 HỘ THAM GIA DỰ ÁN, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
GIỐNG NHÂN SIÊU NGỌT VÀ ĐỐI ỨNG CỦA CÁC HỘ**
**Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhân ghép giống siêu ngọt
tại thôn Khe Nghè và Đồng Vành 2, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam**
*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc
tỉnh Bắc Giang)*

TT	Họ và tên chủ hộ	Đối tượng	Thôn	Hỗ trợ của nhà nước về giống nhân siêu ngọt		Đối ứng của các hộ về vật tư, phân bón (quy theo giá trị)
				Kinh phí (đồng)	Số lượng cây giống	
	Tổng số			308.320.000	3.760	60.000.000
1	Đặng Đức Hợp	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
2	Đặng Đức Chung	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
3	Đặng Văn Chiềng	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
4	Đỗ Văn Tính	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
5	Trương Văn Hùng	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
6	Lâm Thị Dín	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
7	Bàn Văn Chênh	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
8	Đặng Văn Mã	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
9	Hoàng Ngọc Liêm	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
10	La Thị Núi	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
11	Trần Thị Kéo	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
12	Bàn Văn Thìn	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
13	Đặng Thị Ba	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
14	Đặng Văn Lợi	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
15	Bàn Văn Hưng	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
16	Đặng Thị Thu Anh	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
17	Trương Văn Chuyên	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
18	Hoàng Tiến Bảo	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
19	Bàn Văn Thanh	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
20	Bàn Văn Vòng	Hộ nghèo	Đồng Vành 2	7.708.000	94	1.500.000
21	Phan Văn Thảo	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
22	Dương Văn Tăng	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
23	Tổng Văn Hoàn	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
24	Tổng Văn Hoa	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
25	Dương Văn Tiến	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000

26	Phan Văn Bằng	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
27	Tơ Thị Thái	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
28	Đặng Văn Hải	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
29	Tô Văn Đào	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
30	Tông Văn Thắng	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
31	Nguyễn Thị Tài	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
32	Dương Văn Lin	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
33	Hoàng Văn Đồng	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
34	Đặng Thị Mùi	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
35	Tông Văn Hội	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
36	Nịnh Văn Sơn	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
37	Tông Thị Trường	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
38	Tông Văn Chinh	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
39	Lục Văn Chuyên	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000
40	Phan Văn Long	Hộ nghèo	Khe Nghè	7.708.000	94	1.500.000

DỰ TOÁN KINH PHÍ
Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép giống siêu ngọt
tại thôn Khe Nghè và Đồng Vành 2, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

- ĐVT kinh phí: VN đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá/định mức chi (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
	Tổng số				410.000.000	
I	Chi xây dựng và quản lý dự án				13.580.000	Ngân sách NN
1	Chi nghiên cứu, lập dự án		1	500.000	500.000	
2	Chi hỗ trợ thành viên BDH dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dân thực hiện dự án	Ngày	112	70.000	7.840.000	
3	Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (<i>thuê cán bộ khuyến nông, khuyến lâm xã</i>) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ	Tháng	8	300.000	2.400.000	
4	Xăng xe cơ quan chủ trì, BDH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác				2.840.000	
II	Chi hoạt động chuyên môn				396.420.000	
1	<i>Giống cây nhãn ghép giống siêu ngọt (hỗ trợ 94 cây/hộ x 40 hộ = 3.760 cây)</i>	Cây	3.760	82.000	308.320.000	Ngân sách NN
2	<i>Vật tư, phân bón</i>	Cây	3.760		60.000.000	Đối ứng của hộ
3	<i>Tập huấn, chuyển giao KHKT (Hội nghị tổ chức trong 02 ngày)</i>				16.000.000	Ngân sách NN
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (80.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	160.000	6.400.000	
-	Nước uống (30.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	60.000	2.400.000	
-	Phô tô tài liệu, VPP	Bộ	40	20.000	800.000	
-	Thủ lao báo cáo viên	Buổi	4	300.000	1.200.000	
-	Thuê hội trường tại UBND xã	Ngày	2	1.500.000	3.000.000	
-	Máy chiếu, máy vi tính	Ngày	2	1.000.000	2.000.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	

4	Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình				7.800.000	Ngân sách NN
-	Thuê xe (1 ca xe x 40 người/xe)	Ca xe	1	4.000.000	4.000.000	
-	Tiền ăn	Người	40	80.000	3.200.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	300.000	600.000	
5	Hội sơ kết dự án (trong 1/2 ngày)				4.300.000	Ngân sách NN
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương	Người	40	40.000	1.600.000	
-	Nước uống	Người	40	15.000	600.000	
-	Phô tô tài liệu	Bộ	40	10.000	400.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	
-	Thuê hội trường	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	

DỰ THẢO

DỰ ÁN NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhân ghép giống T6 Hà Tây tại thôn Đồng Giàng và thôn Bãi Cả, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: *Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhân ghép giống T6 Hà Tây thôn Đồng Giàng và thôn Bãi Cả, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam*

2. Cơ quan quản lý dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

3. Cơ quan chủ trì thực hiện Dự án: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang

- Địa chỉ: Tầng 5, Khu nhà liên cơ quan khối Đảng, Đoàn thể - Quảng trường 3/2, Thành phố Bắc Giang.

- Điện thoại: 0204.3554.077

4. Các cơ quan phối hợp:

- UBND huyện Lục Nam;

- Phòng Dân tộc huyện Lục Nam;

- UBND xã Bình Sơn, huyện Lục Nam.

5. Địa bàn và thời gian thực hiện triển khai dự án:

- Địa bàn triển khai dự án: Thôn Đồng Giàng và thôn Bãi Cả, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam.

- Thời gian thực hiện : 02 năm, từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

6. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện dự án:

- Tổng kinh phí thực hiện dự án: 411.800.000 đồng, trong đó:

(Bằng chữ: *Bốn trăm, mười một triệu, tám trăm ngàn đồng*)

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;

(Bằng chữ: *Ba trăm, năm mươi triệu đồng*)

+ Nguồn đối ứng của các hộ: 61.800.000 đồng.

- Nguồn vốn thực hiện dự án: Từ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019 và vốn đối ứng của các hộ dân tham gia dự án.

II. TÍNH CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ ÁN

1. Tính cần thiết

Thôn Đồng Giàng và Bãi Cả là hai trong 18 thôn của xã Bình Sơn, là các thôn đặc biệt khó khăn của xã; địa hình chủ yếu là đồi núi dốc, với diện tích tự nhiên là 141,96 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp 32 ha (*rừng tự nhiên/tái sinh là 20 ha; rừng sản*

xuất là 10 ha), diện tích đất nông nghiệp là 36,4 ha và đất khác là 15 ha. Tổng dân số của hai thôn là 226 hộ với 874 khẩu, trong đó người dân tộc thiểu số là 32 hộ, chiếm 14,16% tổng số hộ.

Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ của Đảng và Nhà nước thông qua các chương trình, chính sách dân tộc, cùng với sự nỗ lực cố gắng của người dân. Kinh tế - xã hội và đời sống của các hộ dân trong thôn Đồng Giàng và Bãi Cả đã có những chuyển biến nhất định, tuy nhiên do điều kiện tự nhiên không thuận lợi, diện tích canh tác ít, tập quán sản xuất, canh tác còn lạc hậu... nên đời sống của đa số hộ dân còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo là 112/226 hộ, chiếm 49,56%. Nguồn thu nhập chủ yếu của người dân trong hai thôn chủ yếu dựa vào rừng, lúa và một số cây ăn quả như vải thiều, nhãn, trong đó cây nhãn được coi là cây chủ lực do sự thích nghi với khí hậu, nông hóa, thổ nhưỡng nơi đây. Trong vài năm trở lại đây, cùng với xu hướng, nhu cầu của thị trường, một số hộ dân trong thôn đã tập trung phát triển vườn nhãn. Trong đó, giống nhãn chín sớm T6 Hà Tây được một số hộ trồng đã cho sản lượng, chất lượng, giá trị kinh tế cao. Qua khảo sát nhu cầu của các hộ cho thấy, đa số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn thôn Đồng Giàng và Bãi Cả có nhu cầu trồng cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây, tuy nhiên do điều kiện kinh tế của các hộ dân trong thôn còn khó khăn, thiếu kinh phí để mua giống, thiếu kỹ thuật trồng, chăm sóc thu hoạch cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây.

Để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chuyển đổi giống cây trồng mới, nhằm khai thác tiềm năng sẵn có của thôn, giúp nâng cao thu nhập và từng bước cải thiện đời sống cho người dân, tiến tới giảm nghèo bền vững cần sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước. Do đó việc xây dựng, triển khai thực hiện nhân rộng mô hình trồng cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây cho các hộ dân tại thôn Đồng Giàng và Bãi Cả là việc làm cần thiết và phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi đây, đáp ứng được nhu cầu của người dân trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với khả năng canh tác, bắt kịp xu hướng thị trường từng bước hình thành vườn cây ăn quả cho giá trị kinh tế cao, qua đó giúp phát triển kinh tế hộ, vươn lên giảm nghèo một cách bền vững.

2. Căn cứ xây dựng dự án

2.1. Những căn cứ pháp lý

- Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 3073/QĐ-BNN –KHCV ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp, về việc ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư;

- Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND tỉnh, về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019.

Căn cứ văn bản số 350/STC-QLGCS ngày 27/02/2019 của Sở Tài chính, về kết quả thẩm định giá của nhà nước về giá cây giống nhãn ghép T6 Hà Tây năm 2019.

III. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, NỘI DUNG HỖ TRỢ VÀ ĐỐI ỨNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: Khai thác có hiệu quả các nguồn lực để phát triển vườn cây nhãn ghép chín sớm T6 Hà Tây, qua đó góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, từng bước giảm nghèo bền vững cho các hộ tham gia dự án; góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn thôn Đồng Giàng và thôn Bãi Cả, xã Bình Sơn – huyện Lục Nam. Từ thành công của dự án, tạo cơ sở nhân rộng mô hình ra các thôn, xã trong khu vực để dần hình thành vùng cây ăn quả tập chung theo hướng hàng hóa có giá trị cao.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng thành công mô hình trồng, phát triển vườn nhãn chín sớm T6 Hà Tây cho 45 hộ dân tham gia dự án trên địa bàn thôn Đồng Giàng và thôn Bãi Cả – xã Bình Sơn – huyện Lục Nam;

- Nâng cao trình độ, kỹ thuật trồng, chăm sóc vườn nhãn ghép cho các hộ tham gia dự án và các hộ dân khác trên địa bàn 02 thôn triển khai dự án.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án cho cán bộ tham gia dự án và cán bộ 02 thôn.

2. Thời gian, nội dung hỗ trợ và đối ứng

2.1. Thời gian thực hiện dự án: 02 năm, từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

2.2. Nội dung hỗ trợ và đối ứng

a. Hỗ trợ từ ngân sách:

- Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền về dự án;
- Triển khai cấp giống cây và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện mô hình;
- Thăm quan, học tập kinh nghiệm các mô hình đã thành công, hiệu quả;

- Kiểm tra, giám sát, hội nghị sơ, tổng kết mô hình;

b. Đối ứng của các hộ tham gia dự án:

- Bố trí diện tích đất và nhân lực để trồng, chăm sóc cây trồng thuộc dự án:

- Chuẩn bị trang vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các thiết bị, dụng cụ cần thiết để trồng, chăm sóc cây;

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan và cán bộ tham gia dự án trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

IV. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN, TIẾN ĐỘ VÀ DỰ KIẾN CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN

1. Nội dung triển khai dự án

1.1. Điều tra, khảo sát, xác định nhu cầu và lựa chọn các hộ tham gia dự án

1- Điều tra, khảo sát, đánh giá, tổng hợp nhu cầu tham gia mô hình của các hộ nghèo tại thôn Đồng Giàng và thôn Bãi Cả - xã Bình Sơn và điều kiện phát triển cây nhãn ghép chín sớm T6 Hà Tây để triển khai thực hiện mô hình trên địa bàn.

- Nội dung điều tra, khảo sát:

+ Thực trạng địa hình, đất sản xuất và các điều kiện tự nhiên phù hợp cho phát triển cây nhãn ghép chín sớm T6 Hà Tây.

+ Khảo sát về đời sống, kinh tế xã hội của thôn triển khai dự án.

+ Nhu cầu trồng và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

+ Định hướng phát triển nông nghiệp tại địa phương về việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

- Tiêu chí lựa chọn hộ tham gia dự án:

+ Là hộ nghèo, cận nghèo; ưu tiên hộ nghèo người dân tộc thiểu số.

+ Có diện tích đất canh tác (vườn, bãi, chân ruộng cao), có nhân lực và khả năng lao động; tự nguyện tham gia mô hình và có khả năng đối ứng để tham gia mô hình.

+ Có cam kết và kế hoạch thoát nghèo, cận nghèo.

2- Thành phần tham gia điều tra, đánh giá và xây dựng kế hoạch gồm: Cán bộ Ban Dân tộc; đại diện Lãnh đạo UBND xã Bình Sơn, cán bộ làm công tác khuyến nông xã, Trưởng/phó thôn Đồng Giàng và thôn Bãi Cả.

1.2. Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền về dự án

1.2.1. Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật

- Đơn vị tổ chức: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang;

- Đơn vị chuyển giao, tập huấn: Đơn vị cung ứng giống cây và cán bộ chuyên môn;

- Đơn vị phối hợp: UBND xã Bình Sơn, Ban quản lý thôn Đồng Giàng và thôn Bãi Cả, cán bộ làm công tác khuyến nông khuyến lâm xã...

- Nội dung tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật: Quy trình kỹ thuật trồng.

chăm sóc cây nhãn ghép chín sớm T6 Hà Tây ; quy trình kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh; quy trình kỹ thuật kích thích ra hoa, đậu quả, thu hái và bảo quản....

- Đối tượng tham gia các buổi tập huấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật: Thành viên lao động chính của các hộ dân tham gia dự án; thành viên Ban quản lý thôn, cán bộ khuyến nông khuyến lâm xã...

- Địa điểm tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các hộ tham gia mô hình là tại địa bàn xã triển khai thực hiện dự án.

1.2.2. Thông tin tuyên truyền về dự án

- Nội dung thông tin, tuyên truyền:

+ Chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo;

+ Tổ chức thông báo công khai trên hệ thống truyền thanh tại địa bàn triển khai dự án và thông qua các ngành, đoàn thể cơ sở, các cuộc họp dân về đối tượng được tham gia dự án, cách xác định đối tượng tham gia dự án, trình tự thực hiện dự án, thời gian thực hiện dự án, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ của dự án, nguồn vốn của dự án.

- Hình thức tuyên truyền: Thông qua các đợt tập huấn, họp thôn và hệ thống loa phát thanh của 02 thôn triển khai dự án.

1.3. Triển khai cấp giống cây và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện mô hình

1.3.1. Triển khai cấp cây, trồng và chăm sóc

- Số hộ tham gia: 45 hộ (26 hộ nghèo và 19 hộ cận nghèo);

- Tổng diện tích tham gia: 8,50 ha;

- Tổng số cây giống hỗ trợ: 3.748 cây;

Cây ghép được ươm trong bầu đất, kích thước bầu 17 x20 cm; chiều cao cây 1,4 m – 1,7 m; đường kính gốc 1,8 – 2,1 cm. Giống tốt, sống khỏe, không sâu bệnh, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định. Được cung cấp bởi đơn vị uy tín, được cấp phép chuyên sản xuất, cung ứng giống cây trồng nông nghiệp tại tỉnh Hưng Yên.

- Định mức và phương thức hỗ trợ cây giống:

+ 26 hộ nghèo: Định mức hỗ trợ 7.626.000 đồng/hộ, được cấp bằng hiện vật là 93 cây giống/hộ.

+ 19 hộ cận nghèo: Định mức hỗ trợ 5.740.000 đồng/hộ, được cấp bằng hiện vật là 70 cây giống/hộ.

- Vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công lao động.... do các hộ tham gia dự án đối ứng.

(Có danh sách 45 hộ tham gia dự án và chi tiết định mức hỗ trợ giống nhãn siêu ngọt và đối ứng của các hộ theo Biểu 01/DA2 đính kèm theo)

1.3.2. Hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật trong quá trình thực hiện mô hình

- Đơn vị thực hiện: Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình, cán bộ khuyến nông - khuyến lâm xã;

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

1.4. Thăm quan, học tập kinh nghiệm

- Đơn vị tổ chức: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang;
- Đơn vị phối hợp: UBND xã Bình Sơn, Ban quản lý thôn Đồng Giàng và thôn Bãi Cả, cán bộ làm công tác khuyến nông khuyến lâm xã...
- Đối tượng tham gia: Ban điều hành dự án; đại diện 45 hộ dân tham gia dự án.
- Địa điểm: Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình đã thành công tại tỉnh Hưng Yên, Hải Dương hoặc một số nhà vườn (nếu có) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã trồng, cho thu hoạch hiệu quả đối với giống nhãn chín sớm T6 Hà Tây.

1.5. Kiểm tra, giám sát, hội nghị, hội thảo và sơ, tổng kết mô hình

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động, tiến độ thực hiện mô hình. Tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo, nghiệm thu, sơ, tổng kết mô hình tại các địa phương triển khai thực hiện dự án.
- Đơn vị thực hiện: Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình, cán bộ khuyến nông – khuyến lâm xã;

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

2. Các giải pháp thực hiện dự án

2.1. Giải pháp về tổ chức, quản lý

2.1.1. Ban Dân tộc thành lập Ban điều hành dự án

- Thành viên tham gia Ban điều hành dự án, bao gồm: Đại diện lãnh đạo Ban Dân tộc và cán bộ phòng chuyên môn thuộc Ban; đại diện lãnh đạo Phòng Dân tộc huyện Lục Nam và đại diện lãnh đạo UBND xã Bình Sơn.

- Nhiệm vụ của Ban điều hành dự án: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện khảo sát, xây dựng và triển khai thực hiện các dự án; tổ chức mua cây giống cấp phát, bàn giao cho các hộ dân được phê duyệt tham gia dự án; triển khai công tác tập huấn, thăm quan mô hình cho các hộ dân tham gia dự án; chỉ đạo và kiểm tra các hộ tham gia dự án thực hiện đúng các nội dung và quy chế hoạt động của Ban điều hành dự án; tổ chức sơ, tổng kết các dự án và hoàn thiện các thủ tục, chứng từ thanh quyết toán kinh phí thực hiện dự án theo quy định hiện hành...

2.1.2. Thành lập Tổ thực hiện mô hình

- Thành viên tham gia Tổ thực hiện mô hình, bao gồm: Cán bộ làm công tác khuyến nông xã Bình Sơn, Trưởng/phó thôn Đồng Giàng, Bãi Cả và cán bộ chuyên quản của Ban Dân tộc.

- Nhiệm vụ của Tổ thực hiện mô hình: Tham mưu giúp Ban điều hành triển khai thực hiện các nội dung của dự án trên địa bàn thôn, xã triển khai dự án; trực tiếp hướng dẫn, nghiệm thu các phần việc đối ứng của hộ và thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo việc triển khai mô hình tại cơ sở.

2.1.3. Về công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá mô hình

Ban Điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc triển khai thực hiện mô hình của các hộ dân; tập trung vào thời gian trồng, chăm sóc khi cây cho thu hoạch quả. Hàng năm Chủ đầu tư có báo cáo kết quả thực hiện dự án, cuối năm 2019 có báo cáo đánh giá giữa kỳ và cuối năm 2020 có báo cáo tổng kết dự án.

2.2. Giải pháp về tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật và thông tin tuyên truyền về dự án

- Đơn vị cung ứng giống nhãn chín sớm T6 Hà Tây có trách nhiệm cử chuyên gia, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm trong đơn vị để thực hiện chuyển giao công nghệ thông qua tập huấn và hướng dẫn thực hành trên thực địa triển khai dự án.

- Để tiếp nhận và vận dụng tốt các quy trình công nghệ được chuyển giao, Ban điều hành dự án sẽ chủ động phối hợp cán bộ làm công tác khuyến nông cơ sở xã là người địa phương tham gia chỉ đạo dự án.

- Đối tượng được tập huấn là những người trực tiếp tham gia triển khai dự án. Ban quản lý thôn Đồng Giàng và thôn Bãi Cả, các hộ dân tham gia dự án và một số hộ dân vùng dự án nhằm tiếp thu và làm chủ công nghệ được chuyển giao để chủ động nhân rộng mô hình trồng cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây. Các hộ tham gia phải được đào tạo trước để nắm được quy trình công nghệ để thực hiện ngay từ giai đoạn đầu của dự án.

- Tập huấn được tiến hành ngay tại thôn, xã nơi thực hiện dự án, theo phương thức chuyển giao kiến thức trên lớp và hướng dẫn cầm tay chỉ việc tại thực địa.

2.3. Giải pháp về nguồn vốn

Để dự án được triển khai đảm bảo tiến độ, tính khả thi, tính bền vững và nhân rộng mô hình cần có sự tham gia của nhiều nguồn vốn đặc biệt là vốn đối ứng của người dân. Do đó, cơ quan Chủ đầu tư dự án đã triển khai đầy đủ, kịp thời, chi tiết đến các hộ về phương án đối ứng, để các hộ chủ động chuẩn bị đất đai, vật tư, công lao động tham gia vào dự án.

Dự án bao gồm các nguồn vốn sau:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ:

+ Hỗ trợ bằng tiền thông qua cấp cây giống;

+ Hỗ trợ tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân tham gia mô hình; hướng dẫn kỹ thuật trong quá trình thực hiện mô hình.

+ Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình đã thành công.

+ Chi phục vụ kiểm tra, giám sát, hội nghị, sơ kết, tổng kết, chi khác...

- Nguồn vốn tự có của các hộ dân (vốn đối ứng): Vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, trang thiết bị, dụng cụ cần thiết để trồng và chăm sóc cây; công lao động

2.4. Giải pháp về mặt bằng diện tích xây dựng mô hình

- Sử dụng những diện tích đất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch, với điều kiện sinh trưởng, phát triển của cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây..

- Phát triển mô hình dựa trên cơ sở đất đai, cơ sở hạ tầng và phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội của người dân địa phương.

2.5. Giải pháp về kỹ thuật

- Để triển khai dự án, Ban Dân tộc mời và huy động những cán bộ, kỹ sư, chuyên gia có am hiểu phong tục, tập quán vùng đồng bào dân tộc; am hiểu, nắm rõ điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu vùng triển khai dự án; có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây.

- Các chuyên gia, kỹ sư nông nghiệp, lâm nghiệp tham gia ngay từ bước khảo sát, điều tra, xây dựng đến khi kết thúc dự án.

- Các quy trình, kỹ thuật trồng chăm sóc cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây được xây dựng chi tiết, đúng quy trình nhằm tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân.

3. Tiến độ thực hiện

TT	Các nội dung công việc thực hiện chủ yếu	Sản phẩm đạt được	Thời gian (BĐ-KT)	Người, cơ quan thực hiện
1	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu và lựa chọn hộ tham gia dự án	Dữ liệu về tự nhiên và kinh tế - xã hội vùng triển khai dự án, biên bản họp dân lựa chọn hộ....	01-3/2019	Ban Dân tộc, UBND xã Bình Sơn
2	Xây dựng dự án, trình thẩm định và phê duyệt dự án	Dự án được thẩm định và phê duyệt	02-3/2019	Ban điều hành dự án. Phòng Chính sách dân tộc – Ban Dân tộc
3	Triển khai lựa chọn đơn vị cung ứng giống cây nhãn T6 Hà Tây	Theo đúng quy định của Luật đấu thầu	3-5/2019	Ban điều hành dự án. Phòng Chính sách dân tộc – Ban Dân tộc
4	Tập huấn kỹ thuật cho hộ dân	Tập huấn các hộ tham gia dự án, người dân khác có nhu cầu, cán bộ BQL thôn: nắm được quy trình kỹ thuật trồng cây nhãn T6 Hà Tây.	5-6/2019	Ban điều hành dự án: các đơn vị, cá nhân liên quan

5	Thăm quan, học tập mô hình	Tổ chức cho đại diện các hộ dân tham gia dự án và Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện dự án thăm quan, học tập thực tiễn từ các mô hình đã thành công	5-6/2019	Ban điều hành dự án; các đơn vị, cá nhân liên quan
6	Triển khai cấp cây giống cho các hộ tham gia dự án	Cây giống đảm bảo quy cách, chất lượng theo đúng hợp đồng	5-6/2019	Ban điều hành dự án; UBND xã Bình Sơn, các đơn vị, cá nhân liên quan
7	Tổ chức hội nghị sơ kết dự án	Báo cáo sơ kết 01 năm triển khai thực hiện dự án	12/2019	Ban Dân tộc tỉnh; Ban điều hành dự án.
8	Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật đối với các hộ tham gia dự án	Nắm bắt thường xuyên, kịp thời quá trình sinh trưởng, phát triển của cây trồng cấp phát cho các hộ; hướng dẫn kỹ thuật, công tác chuẩn bị đất, đào hố và quá trình trồng, chăm sóc cây	5/2019 - 12/2020	Ban điều hành dự án; UBND xã Bình Sơn, các đơn vị, cá nhân liên quan
9	Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát dự án	Thường xuyên	5/2019 - 12/2020	Ban điều hành dự án
10	Tổng kết dự án, đề xuất nhân rộng mô hình	Báo cáo kết luận dự án và hiệu quả kinh tế của mô hình và đề xuất phương án phát triển nhân rộng	12/2020	Ban Dân tộc tỉnh; Ban điều hành dự án.

4. Sản phẩm của dự án

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật
1	Mô hình trồng cây nhãn siêu ngọt	Hộ	45	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ cây sống trên 90% - Sau khi trồng từ 3 - 4 tháng cây ra lộc, sinh trưởng tốt.
		Diện tích (ha)	8,50	
		Số cây hỗ trợ	3.748	

2	Tập huấn cho các hộ tham gia mô hình và thành viên BQL thôn	Lượt người	40 -50	Hiểu và nắm được quy trình kỹ thuật thực hiện được trong quá trình trồng cây nhãn T6 Hà Tây
3	Báo cáo sơ kết giữa kỳ, báo cáo tổng kết toàn diện kết quả thực hiện dự án	Báo cáo	02	Đảm bảo khách quan, đầy đủ và chất lượng

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ

1. Chi xây dựng và quản lý dự án: 12.639.000 đồng.

- Chi nghiên cứu, lập dự án: 500.000 đồng;

- Chi hỗ trợ thành viên Ban điều hành dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án: 7.840.000 đồng;

- Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (*thuê cán KNKL xã*) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ: 2.400.000 đồng.

- Chi xăng xe cơ quan chủ trì, BDH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác: 1.899.000 đồng.

2. Chi hoạt động chuyên môn: 399.161.000 đồng

- Chi cây giống nhãn T6 Hà Tây: 307.336.000 đồng;

- Chi vật tư, phân bón (đối ứng của các hộ): 61.800.000 đồng;

- Chi tập huấn, chuyển giao KHKT: 17.200.000 đồng;

- Chi thăm quan, học tập mô hình: 8.200.000 đồng;

- Chi hội nghị tổng kết dự án: 4.625.000 đồng.

*** Tổng kinh phí thực hiện dự án: 411.800.000 đồng.**

(Bằng chữ: *Bốn trăm, mười một triệu, tám trăm ngàn đồng*)

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;

(Bằng chữ: *Ba trăm, năm mươi triệu đồng*)

- Nguồn đối ứng của các hộ: 61.800.000 đồng.

(*Có dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án theo Biểu 02/DA2 đính kèm*)

VI. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN SAU KHI KẾT THÚC DỰ ÁN

1. Dự kiến hiệu quả của dự án

2.1. Hiệu quả về mặt xã hội

- Kết thúc dự án các hộ dân tham gia dự án sẽ nắm vững được quy trình kỹ thuật và kinh nghiệm trồng cây nhãn ghép. Từ đó tuyên truyền, phổ biến cho các hộ dân trong vùng để nhân rộng mô hình một cách có hiệu quả.

- Giúp thay đổi dần tập quán trồng trọt nhỏ lẻ sang trồng trọt tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước thay đổi nhận thức về đầu tư trong phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả trên địa bàn.

- Góp phần nâng cao kiến thức về quản lý kinh tế, kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

2.2. Hiệu quả kinh tế

- Cây giống nhãn ghép, thời gian trồng sau 03 năm sẽ bói quả và thu hoạch tăng dần từ năm thứ 4 trở đi. Năm thứ 4, mỗi cây trung bình cho 20 kg quả, với giá bán bình quân khoảng 18.000 đồng/kg; hộ được cấp 93 cây (tỷ lệ sống 90%), còn 84 cây x 20 kg/cây = 1.680 kg x 18.000 đồng/kg = 30.240.000 đồng; sau khi trừ chi phí trung bình khoảng mỗi năm khoảng 10.000.000 đồng (*Gồm các chi phí: vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công chăm sóc, thu hái, chi phí điện nước tưới tiêu...*), mỗi hộ còn lãi khoảng 20.000.000 đồng, tương đương thu nhập bình quân 1.600.000 đồng/tháng. Từ những năm sau sẽ cho thu nhập cao hơn do cây sinh trưởng và phát triển lớn hơn.

- Từ thành công của dự án thành công sẽ tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho 45 hộ dân tham gia mô hình; từng bước giúp các hộ thoát nghèo, cận nghèo qua đó góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn xã.

2. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án

- Về tổ chức hoạt động: Sau khi kết thúc dự án, Đơn vị chủ trì (Ban Dân tộc), Ban điều hành dự án bàn giao mô hình cho UBND xã Bình Sơn quản lý và chỉ đạo (có bản cam kết của xã và cam kết của các hộ tham gia, duy trì và nhân rộng mô hình). Cán bộ làm công tác khuyến nông – khuyến lâm xã và hộ tham gia dự án sẽ làm chủ khoa học kỹ thuật và phát triển nhân rộng mô hình.

- Mô hình trồng, phát triển cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây là một trong những mô hình sản xuất có hiệu quả được sử dụng cho các thôn, xã trong và ngoài huyện Lục Nam thăm quan học tập và áp dụng để nhân rộng mô hình./.

BAN DÂN TỘC TỈNH BẮC GIANG

BIỂU 01/DA2

**DANH SÁCH 45 HỘ THAM GIA DỰ ÁN, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
GIỒNG NHÂN T6 HÀ TÂY VÀ ĐỐI ỨNG CỦA CÁC HỘ**
Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép T6 Hà Tây
tại thôn Đồng Giàng và Bãi Cả, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc
tỉnh Bắc Giang)

TT	Họ và tên chủ hộ	Đối tượng	Thôn	Hỗ trợ của nhà nước về giống nhãn siêu ngọt		Đối ứng của các hộ về vật tư, phân bón (quy theo giá trị - đồng)
				Kinh phí (đồng)	Số lượng cây giống	
	Tổng số			307.336.000	3.748	61.800.000
1	Nguyễn Hồng Kỳ	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
2	Đào Xuân Diệt	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
3	Hà Văn Tân	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
4	Hà Văn Toàn	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
5	Nguyễn Ngọc Huân	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
6	Nguyễn Thị Loan	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
7	Trần Mạnh Quỳnh	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
8	Hà Thị Thơm	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
9	Nguyễn Văn Quân	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
10	Vũ Văn Tinh	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
11	Nguyễn Văn Phương	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
12	Ngô Văn Sang	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
13	Nguyễn Văn Thu	Hộ nghèo	Bãi Cả	7.626.000	93	1.500.000
14	Vũ Đình Tiếp	Hộ cận nghèo	Bãi Cả	5.740.000	70	1.200.000
15	Hoàng Văn Khiêm	Hộ cận nghèo	Bãi Cả	5.740.000	70	1.200.000
16	Nguyễn Văn Lực	Hộ cận nghèo	Bãi Cả	5.740.000	70	1.200.000
17	Lê Thị Nhẫn	Hộ cận nghèo	Bãi Cả	5.740.000	70	1.200.000
18	Vũ Văn Bé	Hộ cận nghèo	Bãi Cả	5.740.000	70	1.200.000
19	Nguyễn Văn Mừng	Hộ cận nghèo	Bãi Cả	5.740.000	70	1.200.000
20	Hoàng Văn Hiến	Hộ cận nghèo	Bãi Cả	5.740.000	70	1.200.000
21	Ngô Văn Trinh	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
22	Nguyễn Văn Thành	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
23	Hoàng Thanh Tuấn	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
24	Hà Văn Bình	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
25	Mạc Thị Sốt	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000

26	Phạm Thị Hảo	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
27	Ngô Duy Bộ	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
28	Ngô Văn Bích	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
29	Nguyễn Văn Cảnh	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
30	Nguyễn Văn Thông	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
31	Mạc Văn Yên	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
32	Ngô Văn Tý	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
33	Phan Văn Khoa	Hộ nghèo	Đồng Giàng	7.626.000	93	1.500.000
34	Hà Văn Thắng	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
35	Phạm Huy Hùng	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
36	Phạm Khắc Biên	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
37	Nguyễn Tiến Tạm	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
38	Vũ Văn Tuấn	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
39	Hà Ngọc Tình	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
40	Nguyễn Văn Sáu	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
41	Ngô Văn Bắc	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
42	Phạm Văn Thuận	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
43	Hoàng Văn Sanh	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
44	Nguyễn Văn Hải	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000
45	Nguyễn Văn Lộc	Hộ cận nghèo	Đồng Giàng	5.740.000	70	1.200.000

DỰ TOÁN KINH PHÍ
Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhân ghép T6 Hà Tây
tại thôn Đồng Giàng và Bãi Cả, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

- DVT kinh phí: VN đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá/định mức chi (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
	Tổng số				411.800.000	
I	Chi xây dựng và quản lý dự án				12.639.000	Ngân sách NN
1	Chi nghiên cứu, lập dự án		1	500.000	500.000	
2	Chi hỗ trợ thành viên BDH dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dân thực hiện dự án	Ngày	112	70.000	7.840.000	
3	Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (<i>thuê cán bộ khuyến nông, khuyến lâm xã</i>) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ	Tháng	8	300.000	2.400.000	
4	Xăng xe cơ quan chủ trì, BDH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác		1		1.899.000	
II	Chi hoạt động chuyên môn				399.161.000	
1	Giống cây nhân ghép T6 Hà Tây	<i>Cây</i>	3.748		307.336.000	Ngân sách NN
-	Hộ nghèo (hỗ trợ 93 cây/hộ x 26 hộ = 2.418 cây)	Cây	2.418	82.000	198.276.000	
-	Hộ cận nghèo (hỗ trợ 70 cây/hộ x 19 hộ = 1.330 cây)	Cây	1.330	82.000	109.060.000	
2	Vật tư, phân bón	<i>Cây</i>	3.748		61.800.000	Đổi ứng của hộ
3	Tập huấn, chuyển giao KHKT (Hội nghị tổ chức trong 02 ngày)				17.200.000	Ngân sách NN
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (80.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	45	160.000	7.200.000	
-	Nước uống (30.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	45	60.000	2.700.000	
-	Phô tô tài liệu, VPP	Bộ	45	20.000	900.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	4	300.000	1.200.000	
-	Thuê hội trường tại UBND xã	Ngày	2	1.500.000	3.000.000	
-	Máy chiếu, máy vi tính	Ngày	2	1.000.000	2.000.000	

-	Maket		Khung	1	200.000	200.000	
4	Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình					8.200.000	Ngân sách NN
-	Thuế xe (1 ca xe x 45 người/xe)		Ca xe	1	4.000.000	4.000.000	
-	Tiền ăn		Người	45	80.000	3.600.000	
-	Thu lao bảo cáo viên		Buổi	2	300.000	600.000	
5	Hội sơ kết dự án (trong 1/2 ngày)					4.625.000	Ngân sách NN
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương		Người	45	40.000	1.800.000	
-	Nước uống		Người	45	15.000	675.000	
-	Phô tô tài liệu		Bộ	45	10.000	450.000	
-	Maket		Khung	1	200.000	200.000	
-	Thuê hội trường		Ngày	1	1.500.000	1.500.000	

DỰ THẢO

DỰ ÁN NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO
Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây Hồng xiêm xoài
tại thôn Nà Táng và thôn Trại Sông, xã Canh Nậu, huyện Yên Thế
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: *Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây Hồng xiêm xoài tại thôn Nà Táng và thôn Trại Sông, xã Canh Nậu, huyện Yên Thế*

2. Cơ quan quản lý dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

3. Cơ quan chủ trì thực hiện Dự án: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang

- Địa chỉ: Tầng 5, Khu nhà liên cơ quan khối Đảng, Đoàn thể - Quảng trường 3/2, Thành phố Bắc Giang.

- Điện thoại: 0204.3554.077

4. Các cơ quan phối hợp:

- UBND huyện Yên Thế;

- Phòng Dân tộc huyện Yên Thế;

- UBND xã Canh Nậu, huyện Yên Thế.

5. Địa bàn và thời gian thực hiện triển khai dự án:

- Địa bàn triển khai dự án: Thôn Nà Táng và thôn Trại Sông, xã Canh Nậu, huyện Yên Thế.

- Thời gian thực hiện : 02 năm, từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

6. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện dự án:

- Tổng kinh phí thực hiện dự án: 390.000.000 đồng, trong đó:

(Bằng chữ: *Ba trăm, chín mươi triệu đồng*)

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;

(Bằng chữ: *Ba trăm, năm mươi triệu đồng*)

+ Nguồn đối ứng của các hộ: 40.000.000 đồng.

- Nguồn vốn thực hiện dự án: Từ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019 và vốn đối ứng của các hộ dân tham gia dự án.

II. TÍNH CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ ÁN

1. Tính cần thiết

Thôn Nà Táng và Trại Sông là hai trong 15 thôn của xã Canh Nậu, là thôn đặc biệt khó khăn nhất tình giai đoạn 2016 – 2021 và thôn ĐBKK của xã; địa hình đồi núi dốc, với diện tích tự nhiên là 161 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp 65 ha rừng

trồng, diện tích đất nông nghiệp là 72 ha và đất khác là 24 ha. Tổng dân số của hai thôn là 210 hộ với 759 khẩu, trong đó người dân tộc thiểu số là 185 hộ, chiếm 88.1% tổng số hộ.

Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ của Đảng và Nhà nước thông qua các chương trình, chính sách dân tộc, cùng với sự nỗ lực cố gắng của người dân. Kinh tế - xã hội và đời sống của các hộ dân trong thôn Nà Táng và Trại Sông đã có những chuyển biến nhất định, tuy nhiên do điều kiện tự nhiên không thuận lợi, diện tích canh tác ít, tập quán sản xuất, canh tác còn lạc hậu... nên đời sống của đa số hộ dân còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo là 111/210 hộ, chiếm 52,86%. Nguồn thu nhập chủ yếu của người dân trong hai thôn chủ yếu dựa và rừng trồng, lúa, chăn nuôi và một số cây ăn quả như bưởi, cam. Trong vài năm trở lại đây, cùng với xu hướng, nhu cầu của thị trường, một số hộ dân trong thôn đã thử nghiệm và tập trung phát triển cây Hồng xiêm xoài, bước đầu đã cho sản lượng, chất lượng, giá trị kinh tế cao. Qua khảo sát nhu cầu của các hộ cho thấy, đa số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn thôn Nà Táng và Trại Sông có nhu cầu trồng cây Hồng xiêm xoài, tuy nhiên do điều kiện kinh tế của các hộ dân trong thôn còn khó khăn, thiếu kinh phí để mua giống, thiếu kỹ thuật trồng, chăm sóc thu hoạch cây Hồng xiêm xoài.

Để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chuyển đổi giống cây trồng mới, nhằm khai thác tiềm năng sẵn có của thôn, giúp nâng cao thu nhập và từng bước cải thiện đời sống cho người dân, tiến tới giảm nghèo bền vững cần sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước. Do đó việc xây dựng, triển khai thực hiện nhân rộng mô hình trồng cây Hồng xiêm xoài cho các hộ dân tại thôn Nà Táng và Trại Sông là việc làm cần thiết và phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi đây, đáp ứng được nhu cầu của người dân trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với khả năng canh tác, bắt kịp xu hướng thị trường từng bước hình thành vườn cây ăn quả cho giá trị kinh tế cao, qua đó giúp phát triển kinh tế hộ, vươn lên giảm nghèo một cách bền vững.

2. Căn cứ xây dựng dự án

2.1. Những căn cứ pháp lý

- Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 3073/QĐ-BNN –KHCV ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp, về việc ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình, dự án khuyến

nông, khuyến ngư;

- Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND tỉnh, về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019.

Căn cứ văn bản số 350/STC-QLGCS ngày 27/02/2019 của Sở Tài chính, về kết quả thẩm định giá của nhà nước về giá cây giống Hồng xiêm xoài năm 2019.

III. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, NỘI DUNG HỖ TRỢ VÀ ĐỐI ỨNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: Khai thác có hiệu quả các nguồn lực để phát triển vườn cây Hồng xiêm xoài, qua đó góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, từng bước giảm nghèo bền vững cho các hộ tham gia dự án; góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn thôn Nà Táng và thôn Trại Sông, xã Canh Nậu – huyện Yên Thế. Từ thành công của dự án, tạo cơ sở nhân rộng mô hình ra các thôn, xã trong khu vực để dần hình thành vùng cây ăn quả tập chung theo hướng hàng hóa có giá trị cao.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng thành công mô hình trồng, phát triển vườn cây Hồng xiêm xoài cho 40 hộ dân tham gia dự án trên địa bàn thôn Nà Táng và thôn Trại Sông – xã Canh Nậu – huyện Yên Thế;

- Nâng cao trình độ, kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Hồng xiêm xoài cho các hộ tham gia dự án và các hộ dân khác trên địa bàn 02 thôn triển khai dự án.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án cho cán bộ tham gia dự án và cán bộ 02 thôn.

2. Thời gian, nội dung hỗ trợ và đối ứng

2.1. Thời gian thực hiện dự án: 02 năm, từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

2.2. Nội dung hỗ trợ và đối ứng

a. Hỗ trợ từ ngân sách:

- Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền về dự án;
- Triển khai cấp giống cây và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện mô hình;
- Thăm quan, học tập kinh nghiệm các mô hình đã thành công, hiệu quả;
- Kiểm tra, giám sát, hội nghị sơ, tổng kết mô hình;

b. Đối ứng của các hộ tham gia dự án:

- Bố trí diện tích đất và nhân lực để trồng, chăm sóc cây trồng thuộc dự án;
- Chuẩn bị trang vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các thiết bị, dụng cụ cần thiết để trồng, chăm sóc cây;
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan và cán bộ tham gia dự án trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

IV. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN, TIẾN ĐỘ VÀ DỰ KIẾN CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN

1. Nội dung triển khai dự án

1.1. Điều tra, khảo sát, xác định nhu cầu và lựa chọn các hộ tham gia dự án

1- Điều tra, khảo sát, đánh giá, tổng hợp nhu cầu tham gia mô hình của các hộ nghèo tại thôn Nà Táng và thôn Trại Sông - xã Canh Nậu và điều kiện phát triển cây Hồng xiêm xoài để triển khai thực hiện mô hình trên địa bàn.

- Nội dung điều tra, khảo sát:

+ Thực trạng địa hình, đất sản xuất và các điều kiện tự nhiên phù hợp cho phát triển cây Hồng xiêm xoài.

+ Khảo sát về đời sống, kinh tế xã hội của thôn triển khai dự án.

+ Nhu cầu trồng và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

+ Định hướng phát triển nông nghiệp tại địa phương về việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

- Tiêu chí lựa chọn hộ tham gia dự án:

+ Là hộ nghèo, cận nghèo; ưu tiên hộ nghèo người dân tộc thiểu số.

+ Có diện tích đất canh tác (vườn, bãi, chân ruộng cao), có nhân lực và khả năng lao động; tự nguyện tham gia mô hình và có khả năng đối ứng để tham gia mô hình.

+ Có cam kết và kế hoạch thoát nghèo, cận nghèo.

2- Thành phần tham gia điều tra, đánh giá và xây dựng kế hoạch gồm: Cán bộ Ban Dân tộc; đại diện Lãnh đạo UBND xã Canh Nậu, cán bộ làm công tác khuyến nông xã, Trưởng/phó thôn Nà Táng và thôn Trại Sông.

1.2. Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền về dự án

1.2.1. Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật

- Đơn vị tổ chức: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang;

- Đơn vị chuyển giao, tập huấn: Đơn vị cung ứng giống cây và cán bộ chuyên môn;

- Đơn vị phối hợp: UBND xã Canh Nậu, Ban quản lý thôn Nà Táng và thôn Trại Sông, cán bộ làm công tác khuyến nông khuyến lâm xã...

- Nội dung tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật: Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Hồng xiêm xoài; quy trình kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh; quy trình kỹ thuật kích thích ra hoa, đậu quả, thu hái và bảo quản....

- Đối tượng tham gia các buổi tập huấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật:

Thành viên lao động chính của các hộ dân tham gia dự án; thành viên Ban quản lý thôn, cán bộ khuyến nông khuyến lâm xã...

- Địa điểm tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các hộ tham gia mô hình là tại địa bàn xã triển khai thực hiện dự án.

1.2.2. Thông tin tuyên truyền về dự án

- Nội dung thông tin, tuyên truyền:

+ Chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo;

+ Tổ chức thông báo công khai trên hệ thống truyền thanh tại địa bàn triển khai dự án và thông qua các ngành, đoàn thể cơ sở, các cuộc họp dân về đối tượng được tham gia dự án, cách xác định đối tượng tham gia dự án, trình tự thực hiện dự án, thời gian thực hiện dự án, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ của dự án, nguồn vốn của dự án.

- Hình thức tuyên truyền: Thông qua các đợt tập huấn, họp thôn và hệ thống loa phát thanh của 02 thôn triển khai dự án.

1.3. Triển khai cấp giống cây và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện mô hình

1.3.1. Triển khai cấp cây, trông và chăm sóc

- Số hộ tham gia: 40 hộ nghèo;

- Tổng diện tích tham gia: 5,36 ha;

- Tổng số cây giống hỗ trợ: 3.160 cây;

Cây ghép được ươm trong bầu đất, kích thước bầu 16 x 18 cm; chiều cao cây trên 1,4 m; đường kính gốc 1,4 cm trở lên. Giống tốt, sống khỏe, không sâu bệnh, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định. Được cung cấp bởi đơn vị uy tín, được cấp phép chuyên sản xuất, cung cấp ứng giống cây trồng nông nghiệp tại tỉnh Hưng Yên.

- Định mức và phương thức hỗ trợ cây giống: Định mức hỗ trợ 7.742.000 đồng/hộ, được cấp bằng hiện vật là 79 cây giống/hộ.

- Vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công lao động.... do các hộ tham gia dự án đối ứng.

(Có danh sách 40 hộ tham gia dự án và chi tiết định mức hỗ trợ giống Hồng xiêm xoài và đối ứng của các hộ theo Biểu 01/DA4 đính kèm theo)

1.3.2. Hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật trong quá trình thực hiện mô hình

- Đơn vị thực hiện: Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình, cán bộ khuyến nông - khuyến lâm xã;

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

1.4. Thăm quan, học tập kinh nghiệm

- Đơn vị tổ chức: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang;

- Đơn vị phối hợp: UBND xã Canh Nậu, Ban quản lý thôn Nà Táng và thôn Trại Sông, cán bộ làm công tác khuyến nông khuyến lâm xã...

- Đối tượng tham gia: Ban điều hành dự án; đại diện 40 hộ dân tham gia dự án.

- Địa điểm: Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình đã thành công tại tỉnh Hưng Yên, Hải Dương hoặc một số nhà vườn (nếu có) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã trồng, cho thu hoạch hiệu quả đối với giống Hồng xiêm xoài.

1.5. Kiểm tra, giám sát, hội nghị, hội thảo và sơ, tổng kết mô hình

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động, tiến độ thực hiện mô hình. Tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo, nghiệm thu, sơ, tổng kết mô hình tại các địa phương triển khai thực hiện dự án.

- Đơn vị thực hiện: Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình, cán bộ khuyến nông – khuyến lâm xã;

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

2. Các giải pháp thực hiện dự án

2.1. Giải pháp về tổ chức, quản lý

2.1.1. Ban Dân tộc thành lập Ban điều hành dự án

- Thành viên tham gia Ban điều hành dự án, bao gồm: Đại diện lãnh đạo Ban Dân tộc và cán bộ phòng chuyên môn thuộc Ban; đại diện lãnh đạo Phòng Dân tộc huyện Yên Thế và đại diện lãnh đạo UBND xã Canh Nậu.

- Nhiệm vụ của Ban điều hành dự án: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện khảo sát, xây dựng và triển khai thực hiện các dự án; tổ chức mua cây giống cấp phát, bàn giao cho các hộ dân được phê duyệt tham gia dự án; triển khai công tác tập huấn, thăm quan mô hình cho các hộ dân tham gia dự án; chỉ đạo và kiểm tra các hộ tham gia dự án thực hiện đúng các nội dung và quy chế hoạt động của Ban điều hành dự án; tổ chức sơ, tổng kết các dự án và hoàn thiện các thủ tục, chứng từ thanh quyết toán kinh phí thực hiện dự án theo quy định hiện hành...

2.1.2. Thành lập Tổ thực hiện mô hình

- Thành viên tham gia Tổ thực hiện mô hình, bao gồm: Cán bộ làm công tác khuyến nông xã Canh Nậu, Trưởng/phó thôn Nà Táng, Trại Sông và cán bộ chuyên quản của Ban Dân tộc.

- Nhiệm vụ của Tổ thực hiện mô hình: Tham mưu giúp Ban điều hành triển khai thực hiện các nội dung của dự án trên địa bàn thôn, xã triển khai dự án; trực tiếp hướng dẫn, nghiệm thu các phần việc đối ứng của hộ và thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo việc triển khai mô hình tại cơ sở.

2.1.3. Về công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá mô hình

Ban Điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc triển khai thực hiện mô hình của các hộ dân; tập trung vào thời gian trồng, chăm sóc khi cây cho thu hoạch quả. Hàng năm Chủ đầu tư có báo cáo kết quả thực hiện dự án, cuối năm 2019 có báo cáo đánh giá giữa kỳ và cuối năm 2020 có báo cáo tổng kết dự án.

2.2. Giải pháp về tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật và thông tin tuyên

truyền về dự án

- Đơn vị cung ứng giống Hồng xiêm xoài có trách nhiệm cử chuyên gia, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm trong đơn vị để thực hiện chuyển giao công nghệ thông qua tập huấn và hướng dẫn thực hành trên thực địa triển khai dự án.

- Để tiếp nhận và vận dụng tốt các quy trình công nghệ được chuyển giao, Ban điều hành dự án sẽ chủ động phối hợp cán bộ làm công tác khuyến nông cơ sở xã là người địa phương tham gia chỉ đạo dự án.

- Đối tượng được tập huấn là những người trực tiếp tham gia triển khai dự án, Ban quản lý thôn Nà Táng và thôn Trại Sông, các hộ dân tham gia dự án và một số hộ dân vùng dự án nhằm tiếp thu và làm chủ công nghệ được chuyển giao để chủ động nhân rộng mô hình trồng cây Hồng xiêm xoài. Các hộ tham gia phải được đào tạo trước để nắm được quy trình công nghệ để thực hiện ngay từ giai đoạn đầu của dự án.

- Tập huấn được tiến hành ngay tại thôn, xã nơi thực hiện dự án, theo phương thức chuyển giao kiến thức trên lớp và hướng dẫn cầm tay chỉ việc tại thực địa.

2.3. Giải pháp về nguồn vốn

Để dự án được triển khai đảm bảo tiến độ, tính khả thi, tính bền vững và nhân rộng mô hình cần có sự tham gia của nhiều nguồn vốn đặc biệt là vốn đối ứng của người dân. Do đó, cơ quan Chủ đầu tư dự án đã triển khai đầy đủ, kịp thời, chỉ tiết đến các hộ về phương án đối ứng, để các hộ chủ động chuẩn bị đất đai, vật tư, công lao động tham gia vào dự án.

Dự án bao gồm các nguồn vốn sau:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ:

+ Hỗ trợ bằng tiền thông qua cấp cây giống;

+ Hỗ trợ tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân tham gia mô hình; hướng dẫn kỹ thuật trong quá trình thực hiện mô hình.

+ Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình đã thành công.

+ Chi phục vụ kiểm tra, giám sát, hội nghị, sơ kết, tổng kết, chi khác...

- Nguồn vốn tự có của các hộ dân (vốn đối ứng): Vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, trang thiết bị, dụng cụ cần thiết để trồng và chăm sóc cây; công lao động

2.4. Giải pháp về mặt bằng diện tích xây dựng mô hình

- Sử dụng những diện tích đất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch, với điều kiện sinh trưởng, phát triển của cây Hồng xiêm xoài..

- Phát triển mô hình dựa trên cơ sở đất đai, cơ sở hạ tầng và phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội của người dân địa phương.

2.5. Giải pháp về kỹ thuật

- Để triển khai dự án, Ban Dân tộc mời và huy động những cán bộ, kỹ sư, chuyên gia có am hiểu phong tục, tập quán vùng đồng bào dân tộc; am hiểu, nắm rõ điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu vùng triển khai dự án; có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Hồng xiêm xoài.

- Các chuyên gia, kỹ sư nông nghiệp, lâm nghiệp tham gia ngay từ bước khảo sát, điều tra, xây dựng đến khi kết thúc dự án.

- Các quy trình, kỹ thuật trồng chăm sóc cây Hồng xiêm xoài được xây dựng chi tiết, đúng quy trình nhằm tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân.

3. Tiến độ thực hiện

TT	Các nội dung công việc thực hiện chủ yếu	Sản phẩm đạt được	Thời gian (BĐ-KT)	Người, cơ quan thực hiện
1	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu và lựa chọn hộ tham gia dự án	Dữ liệu về tự nhiên và kinh tế - xã hội vùng triển khai dự án, biên bản họp dân lựa chọn hộ....	01-3/2019	Ban Dân tộc, UBND xã Canh Nậu
2	Xây dựng dự án, trình thẩm định và phê duyệt dự án	Dự án được thẩm định và phê duyệt	02-3/2019	Ban điều hành dự án, Phòng Chính sách dân tộc – Ban Dân tộc
3	Triển khai lựa chọn đơn vị cung ứng giống cây Hồng xiêm xoài	Theo đúng quy định của Luật đấu thầu	3-5/2019	Ban điều hành dự án, Phòng Chính sách dân tộc – Ban Dân tộc
4	Tập huấn kỹ thuật cho hộ dân	Tập huấn các hộ tham gia dự án, người dân khác có nhu cầu, cán bộ BQL thôn: nắm được quy trình kỹ thuật trồng cây Hồng xiêm xoài.	5-6/2019	Ban điều hành dự án: các đơn vị, cá nhân liên quan
5	Thăm quan, học tập mô hình	Tổ chức cho đại diện các hộ dân tham gia dự án và Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện dự án thăm quan, học tập thực tiễn từ các mô hình đã thành công	5-6/2019	Ban điều hành dự án; các đơn vị, cá nhân liên quan

6	Triển khai cấp cây giống cho các hộ tham gia dự án	Cây giống đảm bảo quy cách, chất lượng theo đúng hợp đồng	5-6/2019	Ban điều hành dự án; UBND xã Canh Nậu, các đơn vị, cá nhân liên quan
7	Tổ chức hội nghị sơ kết dự án	Báo cáo sơ kết 01 năm triển khai thực hiện dự án	12/2019	Ban Dân tộc tỉnh; Ban điều hành dự án.
8	Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật đối với các hộ tham gia dự án	Nắm bắt thường xuyên, kịp thời quá trình sinh trưởng, phát triển của cây trồng cấp phát cho các hộ; hướng dẫn kỹ thuật, công tác chuẩn bị đất, đào hố và quá trình trồng, chăm sóc cây	5/2019 - 12/2020	Ban điều hành dự án; UBND xã Canh Nậu, các đơn vị, cá nhân liên quan
9	Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát dự án	Thường xuyên	5/2019 - 12/2020	Ban điều hành dự án
10	Tổng kết dự án, đề xuất nhân rộng mô hình	Báo cáo kết luận dự án và hiệu quả kinh tế của mô hình và đề xuất phương án phát triển nhân rộng	12/2020	Ban Dân tộc tỉnh; Ban điều hành dự án.

4. Sản phẩm của dự án

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật
1	Mô hình trồng cây Hồng xiêm xoài	Hộ	40	- Tỷ lệ cây sống trên 90% - Sau khi trồng từ 3 - 4 tháng cây ra lộc, sinh trưởng tốt.
		Diện tích (ha)	5,36	
		Số cây hỗ trợ	3.160	
2	Tập huấn cho các hộ tham gia mô hình và thành viên BQL thôn	Lượt người	40 -50	Hiểu và nắm được quy trình kỹ thuật thực hiện được trong quá trình trồng cây Hồng xiêm xoài
3	Báo cáo sơ kết giữa kỳ, báo cáo tổng kết toàn diện kết quả thực hiện dự án	Báo cáo	02	Đảm bảo khách quan, đầy đủ và chất lượng

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ

- 1. Chi xây dựng và quản lý dự án: 12.220.000 đồng.**
- Chi nghiên cứu, lập dự án: 500.000 đồng;
 - Chi hỗ trợ thành viên Ban điều hành dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án: 7.840.000 đồng;
 - Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (*thuê cán KNKL xã*) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ: 2.400.000 đồng.
 - Chi xăng xe cơ quan chủ trì, BDH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác: 1.480.000 đồng.
- 2. Chi hoạt động chuyên môn: 377.780.000 đồng**
- Chi cây giống Hồng xiêm xoài: 309.680.000 đồng;
 - Chi vật tư, phân bón (đổi ứng của các hộ): 40.000.000 đồng;
 - Chi tập huấn, chuyển giao KHKT: 16.000.000 đồng;
 - Chi thăm quan, học tập mô hình: 7.800.000 đồng;
 - Chi hội nghị tổng kết dự án: 4.300.000 đồng.
- * Tổng kinh phí thực hiện dự án: 390.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: *Ba trăm, chín mươi triệu đồng*)

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;

(Bằng chữ: *Ba trăm, năm mươi triệu đồng*)

- Nguồn đổi ứng của các hộ: 40.000.000 đồng.

(*Có dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án theo Biểu 02/DA4 đính kèm*)

VI. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN SAU KHI KẾT THÚC DỰ ÁN

1. Dự kiến hiệu quả của dự án

2.1. Hiệu quả về mặt xã hội

- Kết thúc dự án các hộ dân tham gia dự án sẽ nắm vững được quy trình kỹ thuật và kinh nghiệm trồng cây nhãn ghép. Từ đó tuyên truyền, phổ biến cho các hộ dân trong vùng để nhân rộng mô hình một cách có hiệu quả.

- Giúp thay đổi dần tập quán trồng trọt nhỏ lẻ sang trồng trọt tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước thay đổi nhận thức về đầu tư trong phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả trên địa bàn.

- Góp phần nâng cao kiến thức về quản lý kinh tế, kỹ năng xây dựng và tổ chức

thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

2.2. Hiệu quả kinh tế

- Cây Hồng xiêm xoài cho quả sớm, năm thứ 3 đã cho quả, cây cho thu hoạch quanh năm. Cây 4 năm tuổi, cho năng suất khoảng 12 – 13 kg/năm (tương ứng 150 quả/cây/năm). Với giá bán bình quân khoảng 20.000 đồng/kg; hộ được cấp 80 cây (tỷ lệ sống 95%), còn $76 \times 12 \text{ kg/cây} = 912 \text{ kg} \times 20.000 \text{ đồng/kg} = 18.240.000 \text{ đồng}$; Hồng xiêm xoài là loài cây dễ chăm sóc, ít sâu bệnh nên chi phí thấp, sau khi trừ chi phí trung bình khoảng mỗi năm khoảng 3.000.000 đồng (*Gồm các chi phí: vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công chăm sóc, thu hái, chi phí điện nước tưới tiêu...*), mỗi hộ còn lãi khoảng 15.000.000 đồng, tương đương thu nhập bình quân 1.250.000 đồng/tháng. Từ những năm sau sẽ cho thu nhập cao hơn do cây sinh trưởng và phát triển lớn hơn.

- Từ thành công của dự án thành công sẽ tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho 40 hộ dân tham gia mô hình; từng bước giúp các hộ thoát nghèo, cận nghèo qua đó góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn xã.

2. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án

- Về tổ chức hoạt động: Sau khi kết thúc dự án, Đơn vị chủ trì (Ban Dân tộc), Ban điều hành dự án bàn giao mô hình cho UBND xã Canh Nậu quản lý và chỉ đạo (có bản cam kết của xã và cam kết của các hộ tham gia, duy trì và nhân rộng mô hình). Cán bộ làm công tác khuyến nông – khuyến lâm xã và hộ tham gia dự án sẽ làm chủ khoa học kỹ thuật và phát triển nhân rộng mô hình.

- Mô hình trồng, phát triển cây Hồng xiêm xoài là một trong những mô hình sản xuất có hiệu quả được sử dụng cho các thôn, xã trong và ngoài huyện Yên Thế thăm quan học tập và áp dụng để nhân rộng mô hình./.

BAN DÂN TỘC TỈNH BẮC GIANG

**DANH SÁCH 40 HỘ THAM GIA DỰ ÁN, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
GIỐNG HỒNG XIÊM XOÀI VÀ ĐỐI ỨNG CỦA CÁC HỘ**
Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây Hồng xiêm xoài
tại thôn Nà Táng và Trại Sông, xã Canh Nậu, huyện Yên Thế
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc
tỉnh Bắc Giang)

TT	Họ và tên chủ hộ	Đối tượng	Thôn	Hỗ trợ của nhà nước về giống Hồng xiêm xoài		Đối ứng của các hộ về vật tư, phân bón (quy theo giá trị - đồng)
				Kinh phí (đồng)	Số lượng cây giống	
	Tổng số			309.680.000	3.160	40.000.000
1	Nông Văn Đại	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
2	Nguyễn Thị Mãng	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
3	Hoàng Văn Giang	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
4	Nguyễn Xuân Chuyên	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
5	Hoàng Văn Đương	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
6	Triệu Văn Quỳnh	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
7	Tần Thị Ân	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
8	Nông Văn Chính	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
9	Phan Hữu Thông	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
10	Hoàng Văn Tuyên	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
11	Mã Văn Bính	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
12	Lý Văn Báo	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
13	Nông Văn Minh	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
14	Nông Văn Nghiệp	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
15	Mã Văn Vĩnh	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
16	Nông Thị Tắm	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
17	Hoàng Văn Thịnh	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
18	Nông Văn Hòa	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
19	Toàn Văn Hiền	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
20	Triệu Văn Quý	Hộ nghèo	Trại Sông	7.742.000	79	1.000.000
21	Hoàng Văn Mạnh	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
22	Lê Thị Hạnh	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
23	Triệu Văn Thắng	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
24	Lê Đức Lộc	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
25	Đàm Thị Khoa	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
26	Nông Văn Việt	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
27	Nông Văn Định	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
28	Nông Văn Xuân	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
29	Nông Thị Bình	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000

30	Nông Văn Thành	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
31	Tân Văn Thanh	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
32	Nông Văn Hào	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
33	Nông Văn Khèn	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
34	Tân Văn Giang	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
35	Nông Văn Chiến	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
36	Nông Thị Viên	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
37	Nông Thị Đông	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
38	Nông Văn Bắc	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
39	Nông Văn Vinh	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000
40	Nông Thị Nội	Hộ nghèo	Nà Táng	7.742.000	79	1.000.000

DỰ TOÁN KINH PHÍ
Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây Hồng xiêm xoài
tại thôn Nà Táng và Trại Sông, xã Canh Nậu, huyện Yên Thế
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

- ĐVT kinh phí: VN đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá/định mức chi (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
	Tổng số				390.000.000	
I	Chi xây dựng và quản lý dự án				12.220.000	Ngân sách NN
1	Chi nghiên cứu, lập dự án		1	500.000	500.000	
2	Chi hỗ trợ thành viên BDH dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án	Ngày	112	70.000	7.840.000	
3	Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (<i>thuê cán bộ công tác khuyến nông, khuyến lâm xã</i>) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ	Tháng	8	300.000	2.400.000	
4	Xăng xe cơ quan chủ trì, BDH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác		1	640.000	1.480.000	
II	Chi hoạt động chuyên môn				377.780.000	
1	<i>Giống cây Hồng xiêm xoài (hỗ trợ 79 cây/hộ x40 hộ = 3.160 cây)</i>	Cây	3.160	98.000	309.680.000	Ngân sách NN
2	<i>Vật tư, phân bón</i>	Cây	3.160		40.000.000	Đối ứng của hộ
3	<i>Tập huấn, chuyển giao KHKT (Hội nghị tổ chức trong 02 ngày)</i>				16.000.000	Ngân sách NN
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (80.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	160.000	6.400.000	
-	Nước uống (30.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	60.000	2.400.000	
-	Phô tô tài liệu, VPP	Bộ	40	20.000	800.000	
-	Thủ lao báo cáo viên	Buổi	4	300.000	1.200.000	
-	Thuê hội trường tại UBND xã	Ngày	2	1.500.000	3.000.000	
-	Máy chiếu, máy vi tính	Ngày	2	1.000.000	2.000.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	

4	<i>Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình</i>				7.800.000	<i>Ngân sách NN</i>
-	Thuê xe (1 ca xe x 40 người/xe)	Ca xe	1	4.000.000	4.000.000	
-	Tiền ăn	Người	40	80.000	3.200.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	300.000	600.000	
5	<i>Hội sơ kết dự án (trong 1/2 ngày)</i>				4.300.000	<i>Ngân sách NN</i>
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương	Người	40	40.000	1.600.000	
-	Nước uống	Người	40	15.000	600.000	
-	Phô tô tài liệu	Bộ	40	10.000	400.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	
-	Thuê hội trường	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	

DỰ THẢO

DỰ ÁN NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép giống T6 Hà Tây tại thôn Trại Mới và thôn Mỏ Hương, xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: *Xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép giống T6 Hà Tây thôn Trại Mới và thôn Mỏ Hương, xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế*

2. Cơ quan quản lý dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

3. Cơ quan chủ trì thực hiện Dự án: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang

- Địa chỉ: Tầng 5, Khu nhà liên cơ quan khối Đảng, Đoàn thể - Quảng trường 3/2, Thành phố Bắc Giang.

- Điện thoại: 0204.3554.077

4. Các cơ quan phối hợp:

- UBND huyện Yên Thế;

- Phòng Dân tộc huyện Yên Thế;

- UBND xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế.

5. Địa bàn và thời gian thực hiện triển khai dự án:

- Địa bàn triển khai dự án: Thôn Trại Mới và thôn Mỏ Hương, xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế.

- Thời gian thực hiện : 02 năm, từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

6. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện dự án:

- Tổng kinh phí thực hiện dự án: 410.000.000 đồng, trong đó:

(Bằng chữ: *Bốn trăm, mười triệu đồng*)

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;

(Bằng chữ: *Ba trăm, năm mươi triệu đồng*)

+ Nguồn đối ứng của các hộ: 60.000.000 đồng.

- Nguồn vốn thực hiện dự án: Từ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019 và vốn đối ứng của các hộ dân tham gia dự án.

II. TÍNH CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ ÁN

1. Tính cần thiết

Thôn Trại Mới và Mỏ Hương là hai trong 12 thôn của xã Đồng Hưu, là các thôn đặc biệt khó khăn nhất tình giai đoạn 2016 – 2021; địa hình chủ yếu là đồi núi, với diện tích tự nhiên là 441,17 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp 135,85 ha, diện

tích đất nông nghiệp là 89,04 ha và đất khác là 216,81 ha. Tổng dân số của hai thôn là 323 hộ với 1.290 khẩu, trong đó người dân tộc thiểu số là 232 hộ, chiếm 71,83% tổng số hộ.

Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ của Đảng và Nhà nước thông qua các chương trình, chính sách dân tộc, cùng với sự nỗ lực cố gắng của người dân. Kinh tế - xã hội và đời sống của các hộ dân trong thôn Trại Mới và Mỏ Hương đã có những chuyển biến nhất định, tuy nhiên do điều kiện tự nhiên không thuận lợi, diện tích canh tác ít, tập quán sản xuất, canh tác còn lạc hậu... nên đời sống của đa số hộ dân còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo là 173/323 hộ, chiếm 53,56%. Nguồn thu nhập chủ yếu của người dân trong hai thôn chủ yếu dựa và rừng trồng, lúa, chăn nuôi gia cầm và một số cây ăn quả như vải thiều, nhãn, trong đó cây nhãn được coi là cây chủ lực do sự thích nghi với khí hậu, nông hóa, thổ nhưỡng nơi đây. Trong vài năm trở lại đây, cùng với xu hướng, nhu cầu của thị trường, một số hộ dân trong thôn đã tập trung phát triển vườn nhãn. Trong đó, giống nhãn chín sớm T6 Hà Tây được một số hộ trồng đã cho sản lượng, chất lượng, giá trị kinh tế cao. Qua khảo sát nhu cầu của các hộ cho thấy, đa số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn thôn Trại Mới và Mỏ Hương có nhu cầu trồng cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây, tuy nhiên do điều kiện kinh tế của các hộ dân trong thôn còn khó khăn, thiếu kinh phí để mua giống, thiếu kỹ thuật trồng, chăm sóc thu hoạch cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây.

Để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chuyển đổi giống cây trồng mới, nhằm khai thác tiềm năng sẵn có của thôn, giúp nâng cao thu nhập và từng bước cải thiện đời sống cho người dân, tiến tới giảm nghèo bền vững cần sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước. Do đó việc xây dựng, triển khai thực hiện nhân rộng mô hình trồng cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây cho các hộ dân tại thôn Trại Mới và Mỏ Hương là việc làm cần thiết và phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi đây, đáp ứng được nhu cầu của người dân trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với khả năng canh tác, bắt kịp xu hướng thị trường từng bước hình thành vườn cây ăn quả cho giá trị kinh tế cao, qua đó giúp phát triển kinh tế hộ, vươn lên giảm nghèo một cách bền vững.

2. Căn cứ xây dựng dự án

2.1. Những căn cứ pháp lý

- Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020:

- Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 3073/QĐ-BNN –KHCV ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp, về việc ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư;

- Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND tỉnh, về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019.

Căn cứ văn bản số 350/STC-QLGCS ngày 27/02/2019 của Sở Tài chính, về kết quả thẩm định giá của nhà nước về giá cây giống nhãn ghép T6 Hà Tây năm 2019.

III. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, NỘI DUNG HỖ TRỢ VÀ ĐỐI ƯNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung: Khai thác có hiệu quả các nguồn lực để phát triển vườn cây nhãn ghép chín sớm T6 Hà Tây, qua đó góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, từng bước giảm nghèo bền vững cho các hộ tham gia dự án; góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn thôn Trại Mới và thôn Mỏ Hương, xã Đồng Hưu – huyện Yên Thế. Từ thành công của dự án, tạo cơ sở nhân rộng mô hình ra các thôn, xã trong khu vực để dần hình thành vùng cây ăn quả tập chung theo hướng hàng hóa có giá trị cao.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng thành công mô hình trồng, phát triển vườn nhãn chín sớm T6 Hà Tây cho 40 hộ dân tham gia dự án trên địa bàn thôn Trại Mới và thôn Mỏ Hương – xã Đồng Hưu – huyện Yên Thế;

- Nâng cao trình độ, kỹ thuật trồng, chăm sóc vườn nhãn ghép cho các hộ tham gia dự án và các hộ dân khác trên địa bàn 02 thôn triển khai dự án.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án cho cán bộ tham gia dự án và cán bộ 02 thôn.

2. Thời gian, nội dung hỗ trợ và đối ứng

2.1. Thời gian thực hiện dự án: 02 năm, từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

2.2. Nội dung hỗ trợ và đối ứng

a. Hỗ trợ từ ngân sách:

- Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền về dự án;
- Triển khai cấp giống cây và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện mô hình;
- Thăm quan, học tập kinh nghiệm các mô hình đã thành công, hiệu quả;

- Kiểm tra, giám sát, hội nghị sơ, tổng kết mô hình;

b. Đối ứng của các hộ tham gia dự án:

- Bố trí diện tích đất và nhân lực để trồng, chăm sóc cây trồng thuộc dự án:

- Chuẩn bị trang vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các thiết bị, dụng cụ cần thiết để trồng, chăm sóc cây;

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan và cán bộ tham gia dự án trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

IV. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN, TIẾN ĐỘ VÀ DỰ KIẾN CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN

1. Nội dung triển khai dự án

1.1. Điều tra, khảo sát, xác định nhu cầu và lựa chọn các hộ tham gia dự án

1- Điều tra, khảo sát, đánh giá, tổng hợp nhu cầu tham gia mô hình của các hộ nghèo tại thôn Trại Mới và thôn Mỏ Hương - xã Đồng Hưu và điều kiện phát triển cây nhãn ghép chín sớm T6 Hà Tây để triển khai thực hiện mô hình trên địa bàn.

- Nội dung điều tra, khảo sát:

+ Thực trạng địa hình, đất sản xuất và các điều kiện tự nhiên phù hợp cho phát triển cây nhãn ghép chín sớm T6 Hà Tây.

+ Khảo sát về đời sống, kinh tế xã hội của thôn triển khai dự án.

+ Nhu cầu trồng và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

+ Định hướng phát triển nông nghiệp tại địa phương về việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

- Tiêu chí lựa chọn hộ tham gia dự án:

+ Là hộ nghèo, cận nghèo; ưu tiên hộ nghèo người dân tộc thiểu số.

+ Có diện tích đất canh tác (vườn, bãi, chân ruộng cao), có nhân lực và khả năng lao động; tự nguyện tham gia mô hình và có khả năng đối ứng để tham gia mô hình.

+ Có cam kết và kế hoạch thoát nghèo, cận nghèo.

2- Thành phần tham gia điều tra, đánh giá và xây dựng kế hoạch gồm: Cán bộ Ban Dân tộc; đại diện Lãnh đạo UBND xã Đồng Hưu, cán bộ làm công tác khuyến nông xã, Trưởng/phó thôn Trại Mới và thôn Mỏ Hương.

1.2. Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền về dự án

1.2.1. Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật

- Đơn vị tổ chức: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang;

- Đơn vị chuyển giao, tập huấn: Đơn vị cung ứng giống cây và cán bộ chuyên môn;

- Đơn vị phối hợp: UBND xã Đồng Hưu, Ban quản lý thôn Trại Mới và thôn Mỏ Hương, cán bộ làm công tác khuyến nông khuyến lâm xã...

- Nội dung tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật: Quy trình kỹ thuật trồng,

chăm sóc cây nhãn ghép chín sớm T6 Hà Tây ; quy trình kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh; quy trình kỹ thuật kích thích ra hoa, đậu quả, thu hái và bảo quản....

- Đối tượng tham gia các buổi tập huấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật: Thành viên lao động chính của các hộ dân tham gia dự án; thành viên Ban quản lý thôn, cán bộ khuyến nông khuyến lâm xã...

- Địa điểm tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các hộ tham gia mô hình là tại địa bàn xã triển khai thực hiện dự án.

1.2.2. Thông tin tuyên truyền về dự án

- Nội dung thông tin, tuyên truyền:

+ Chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo;

+ Tổ chức thông báo công khai trên hệ thống truyền thanh tại địa bàn triển khai dự án và thông qua các ngành, đoàn thể cơ sở, các cuộc họp dân về đối tượng được tham gia dự án, cách xác định đối tượng tham gia dự án, trình tự thực hiện dự án, thời gian thực hiện dự án, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ của dự án, nguồn vốn của dự án.

- Hình thức tuyên truyền: Thông qua các đợt tập huấn, họp thôn và hệ thống loa phát thanh của 02 thôn triển khai dự án.

1.3. Triển khai cấp giống cây và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện mô hình

1.3.1. Triển khai cấp cây, trồng và chăm sóc

- Số hộ tham gia: 40 hộ nghèo;

- Tổng diện tích tham gia: 7,54 ha;

- Tổng số cây giống hỗ trợ: 3.760 cây;

Cây ghép được ươm trong bầu đất, kích thước bầu 17 x20 cm; chiều cao cây 1,4 m – 1,7 m; đường kính gốc 1,8 – 2,1 cm. Giống tốt, sống khỏe, không sâu bệnh, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định. Được cung cấp bởi đơn vị uy tín, được cấp phép chuyên sản xuất, cung ứng giống cây trồng nông nghiệp tại tỉnh Hưng Yên.

- Định mức và phương thức hỗ trợ cây giống: Định mức hỗ trợ 7.708.000 đồng/hộ, được cấp bằng hiện vật là 94 cây giống/hộ.

- Vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công lao động.... do các hộ tham gia dự án đối ứng.

(Có danh sách 40 hộ tham gia dự án và chi tiết định mức hỗ trợ giống nhãn siêu ngọt và đối ứng của các hộ theo Biểu 01/DA3 đính kèm theo)

1.3.2. Hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật trong quá trình thực hiện mô hình

- Đơn vị thực hiện: Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình, cán bộ khuyến nông - khuyến lâm xã;

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

1.4. Thăm quan, học tập kinh nghiệm

- Đơn vị tổ chức: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang;

- Đơn vị phối hợp: UBND xã Đồng Hưu, Ban quản lý thôn Trại Mới và thôn Mỏ Hương, cán bộ làm công tác khuyến nông khuyến lâm xã...

- Đối tượng tham gia: Ban điều hành dự án; đại diện 40 hộ dân tham gia dự án.

- Địa điểm: Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình đã thành công tại tỉnh Hưng Yên, Hải Dương hoặc một số nhà vườn (nếu có) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã trồng, cho thu hoạch hiệu quả đối với giống nhãn chín sớm T6 Hà Tây.

1.5. Kiểm tra, giám sát, hội nghị, hội thảo và sơ, tổng kết mô hình

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động, tiến độ thực hiện mô hình. Tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo, nghiệm thu, sơ, tổng kết mô hình tại các địa phương triển khai thực hiện dự án.

- Đơn vị thực hiện: Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình, cán bộ khuyến nông – khuyến lâm xã;

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2019 - 31/12/2020

2. Các giải pháp thực hiện dự án

2.1. Giải pháp về tổ chức, quản lý

2.1.1. Ban Dân tộc thành lập Ban điều hành dự án

- Thành viên tham gia Ban điều hành dự án, bao gồm: Đại diện lãnh đạo Ban Dân tộc và cán bộ phòng chuyên môn thuộc Ban; đại diện lãnh đạo Phòng Dân tộc huyện Yên Thế và đại diện lãnh đạo UBND xã Đồng Hưu.

- Nhiệm vụ của Ban điều hành dự án: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện khảo sát, xây dựng và triển khai thực hiện các dự án; tổ chức mua cây giống cấp phát, bàn giao cho các hộ dân được phê duyệt tham gia dự án; triển khai công tác tập huấn, thăm quan mô hình cho các hộ dân tham gia dự án; chỉ đạo và kiểm tra các hộ tham gia dự án thực hiện đúng các nội dung và quy chế hoạt động của Ban điều hành dự án; tổ chức sơ, tổng kết các dự án và hoàn thiện các thủ tục, chứng từ thanh quyết toán kinh phí thực hiện dự án theo quy định hiện hành...

2.1.2. Thành lập Tổ thực hiện mô hình

- Thành viên tham gia Tổ thực hiện mô hình, bao gồm: Cán bộ làm công tác khuyến nông xã Đồng Hưu, Trưởng/phó thôn Trại Mới, Mỏ Hương và cán bộ chuyên quản của Ban Dân tộc.

- Nhiệm vụ của Tổ thực hiện mô hình: Tham mưu giúp Ban điều hành triển khai thực hiện các nội dung của dự án trên địa bàn thôn, xã triển khai dự án; trực tiếp hướng dẫn, nghiệm thu các phần việc đối ứng của hộ và thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo việc triển khai mô hình tại cơ sở.

2.1.3. Về công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá mô hình

Ban Điều hành dự án, Tổ thực hiện mô hình thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc triển khai thực hiện mô hình của các hộ dân; tập trung vào thời gian trồng, chăm sóc khi cây cho thu hoạch quả. Hàng năm Chủ đầu tư có báo cáo kết quả thực hiện dự án, cuối năm 2019 có báo cáo đánh giá giữa kỳ và cuối năm 2020 có

báo cáo tổng kết dự án.

2.2. Giải pháp về tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật và thông tin tuyên truyền về dự án

- Đơn vị cung ứng giống nhãn chín sớm T6 Hà Tây có trách nhiệm cử chuyên gia, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm trong đơn vị để thực hiện chuyển giao công nghệ thông qua tập huấn và hướng dẫn thực hành trên thực địa triển khai dự án.

- Để tiếp nhận và vận dụng tốt các quy trình công nghệ được chuyển giao, Ban điều hành dự án sẽ chủ động phối hợp cán bộ làm công tác khuyến nông cơ sở xã là người địa phương tham gia chỉ đạo dự án.

- Đối tượng được tập huấn là những người trực tiếp tham gia triển khai dự án, Ban quản lý thôn Trại Mới và thôn Mỏ Hương, các hộ dân tham gia dự án và một số hộ dân vùng dự án nhằm tiếp thu và làm chủ công nghệ được chuyển giao để chủ động nhân rộng mô hình trồng cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây. Các hộ tham gia phải được đào tạo trước để nắm được quy trình công nghệ để thực hiện ngay từ giai đoạn đầu của dự án.

- Tập huấn được tiến hành ngay tại thôn, xã nơi thực hiện dự án, theo phương thức chuyển giao kiến thức trên lớp và hướng dẫn cầm tay chỉ việc tại thực địa.

2.3. Giải pháp về nguồn vốn

Để dự án được triển khai đảm bảo tiến độ, tính khả thi, tính bền vững và nhân rộng mô hình cần có sự tham gia của nhiều nguồn vốn đặc biệt là vốn đối ứng của người dân. Do đó, cơ quan Chủ đầu tư dự án đã triển khai đầy đủ, kịp thời, chi tiết đến các hộ về phương án đối ứng, để các hộ chủ động chuẩn bị đất đai, vật tư, công lao động tham gia vào dự án.

Dự án bao gồm các nguồn vốn sau:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ:
 - + Hỗ trợ bằng tiền thông qua cấp cây giống;
 - + Hỗ trợ tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân tham gia mô hình; hướng dẫn kỹ thuật trong quá trình thực hiện mô hình.
 - + Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình đã thành công.
 - + Chi phục vụ kiểm tra, giám sát, hội nghị, sơ kết, tổng kết, chi khác...
- Nguồn vốn tự có của các hộ dân (vốn đối ứng): Vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, trang thiết bị, dụng cụ cần thiết để trồng và chăm sóc cây; công lao động

2.4. Giải pháp về mặt bằng diện tích xây dựng mô hình

- Sử dụng những diện tích đất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch, với điều kiện sinh trưởng, phát triển của cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây..

- Phát triển mô hình dựa trên cơ sở đất đai, cơ sở hạ tầng và phù hợp với điều

kiện kinh tế, văn hóa xã hội của người dân địa phương.

2.5. Giải pháp về kỹ thuật

- Để triển khai dự án, Ban Dân tộc mời và huy động những cán bộ, kỹ sư, chuyên gia có am hiểu phong tục, tập quán vùng đồng bào dân tộc; am hiểu, nắm rõ điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu vùng triển khai dự án; có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây.

- Các chuyên gia, kỹ sư nông nghiệp, lâm nghiệp tham gia ngay từ bước khảo sát, điều tra, xây dựng đến khi kết thúc dự án.

- Các quy trình, kỹ thuật trồng chăm sóc cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây được xây dựng chi tiết, đúng quy trình nhằm tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân.

3. Tiến độ thực hiện

TT	Các nội dung công việc thực hiện chủ yếu	Sản phẩm đạt được	Thời gian (BD-KT)	Người, cơ quan thực hiện
1	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu và lựa chọn hộ tham gia dự án	Dữ liệu về tự nhiên và kinh tế - xã hội vùng triển khai dự án, biên bản họp dân lựa chọn hộ....	01-3/2019	Ban Dân tộc, UBND xã Đồng Hưu
2	Xây dựng dự án, trình thẩm định và phê duyệt dự án	Dự án được thẩm định và phê duyệt	02-3/2019	Ban điều hành dự án, Phòng Chính sách dân tộc – Ban Dân tộc
3	Triển khai lựa chọn đơn vị cung ứng giống cây nhãn T6 Hà Tây	Theo đúng quy định của Luật đấu thầu	3-5/2019	Ban điều hành dự án, Phòng Chính sách dân tộc – Ban Dân tộc
4	Tập huấn kỹ thuật cho hộ dân	Tập huấn các hộ tham gia dự án, người dân khác có nhu cầu, cán bộ BQL thôn: nắm được quy trình kỹ thuật trồng cây nhãn T6 Hà Tây.	5-6/2019	Ban điều hành dự án: các đơn vị, cá nhân liên quan

5	Thăm quan, học tập mô hình	Tổ chức cho đại diện các hộ dân tham gia dự án và Ban điều hành dự án, Tổ thực hiện dự án thăm quan, học tập thực tiễn từ các mô hình đã thành công	5-6/2019	Ban điều hành dự án; các đơn vị, cá nhân liên quan
6	Triển khai cấp cây giống cho các hộ tham gia dự án	Cây giống đảm bảo quy cách, chất lượng theo đúng hợp đồng	5-6/2019	Ban điều hành dự án; UBND xã Đồng Hưu, các đơn vị, cá nhân liên quan
7	Tổ chức hội nghị sơ kết dự án	Báo cáo sơ kết 01 năm triển khai thực hiện dự án	12/2019	Ban Dân tộc tỉnh; Ban điều hành dự án.
8	Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật đối với các hộ tham gia dự án	Nắm bắt thường xuyên, kịp thời quá trình sinh trưởng, phát triển của cây trồng cấp phát cho các hộ; hướng dẫn kỹ thuật, công tác chuẩn bị đất, đào hố và quá trình trồng, chăm sóc cây	5/2019 - 12/2020	Ban điều hành dự án; UBND xã Đồng Hưu, các đơn vị, cá nhân liên quan
9	Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát dự án	Thường xuyên	5/2019 - 12/2020	Ban điều hành dự án
10	Tổng kết dự án, đề xuất nhân rộng mô hình	Báo cáo kết luận dự án và hiệu quả kinh tế của mô hình và đề xuất phương án phát triển nhân rộng	12/2020	Ban Dân tộc tỉnh; Ban điều hành dự án.

4. Sản phẩm của dự án

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật
1	Mô hình trồng cây nhãn siêu ngọt	Hộ	40	- Tỷ lệ cây sống trên 90% - Sau khi trồng từ 3 - 4 tháng cây ra lộc, sinh trưởng tốt.
		Diện tích (ha)	7,54	
		Số cây hỗ trợ	3.760	

2	Tập huấn cho các hộ tham gia mô hình và thành viên BQL thôn	Lượt người	40 -50	Hiểu và nắm được quy trình kỹ thuật thực hiện được trong quá trình trồng cây nhãn T6 Hà Tây
3	Báo cáo sơ kết giữa kỳ, báo cáo tổng kết toàn diện kết quả thực hiện dự án	Báo cáo	02	Đảm bảo khách quan, đầy đủ và chất lượng

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ

- 1. Chi xây dựng và quản lý dự án: 13.580.000 đồng.**
- Chi nghiên cứu, lập dự án: 500.000 đồng;
 - Chi hỗ trợ thành viên Ban điều hành dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án: 7.840.000 đồng;
 - Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (*thuê cán KNKL xã*) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ: 2.400.000 đồng.
 - Chi xăng xe cơ quan chủ trì, BDH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác: 2.840.000 đồng.
- 2. Chi hoạt động chuyên môn: 396.420.000 đồng**
- Chi cây giống nhãn siêu ngọt: 308.320.000 đồng;
 - Chi vật tư, phân bón (đổi ứng của các hộ): 60.000.000 đồng;
 - Chi tập huấn, chuyển giao KHKT: 16.000.000 đồng;
 - Chi thăm quan, học tập mô hình: 7.800.000 đồng;
 - Chi hội nghị tổng kết dự án: 4.300.000 đồng.
- * Tổng kinh phí thực hiện dự án: 410.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: *Bốn trăm, mười triệu đồng*)

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 350.000.000 đồng;

(Bằng chữ: *Ba trăm, năm mươi triệu đồng*)

- Nguồn đổi ứng của các hộ: 60.000.000 đồng.

(*Có dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án theo Biểu 02/DA3 đính kèm*)

VI. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN SAU KHI KẾT THÚC DỰ ÁN

1. Dự kiến hiệu quả của dự án

2.1. Hiệu quả về mặt xã hội

- Kết thúc dự án các hộ dân tham gia dự án sẽ nắm vững được quy trình kỹ thuật và kinh nghiệm trồng cây nhãn ghép. Từ đó tuyên truyền, phổ biến cho các hộ dân trong vùng để nhân rộng mô hình một cách có hiệu quả.

- Giúp thay đổi dần tập quán trồng trọt nhỏ lẻ sang trồng trọt tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước thay đổi nhận thức về đầu tư trong phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả trên địa bàn.

- Góp phần nâng cao kiến thức về quản lý kinh tế, kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

2.2. Hiệu quả kinh tế

- Cây giống nhãn ghép, thời gian trồng sau 03 năm sẽ bói quả và thu hoạch tăng dần từ năm thứ 4 trở đi. Năm thứ 4, mỗi cây trung bình cho 20 kg quả, với giá bán bình quân khoảng 18.000 đồng/kg; hộ được cấp 93 cây (tỷ lệ sống 90%), còn 84 cây x 20 kg/cây = 1.680 kg x 18.000 đồng/kg = 30.240.000 đồng; sau khi trừ chi phí trung bình khoảng mỗi năm khoảng 10.000.000 đồng (*Gồm các chi phí: vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công chăm sóc, thu hái, chi phí điện nước tưới tiêu...*), mỗi hộ còn lãi khoảng 20.000.000 đồng, tương đương thu nhập bình quân 1.600.000 đồng/tháng. Từ những năm sau sẽ cho thu nhập cao hơn do cây sinh trưởng và phát triển lớn hơn.

- Từ thành công của dự án thành công sẽ tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho 40 hộ dân tham gia mô hình; từng bước giúp các hộ thoát nghèo, cận nghèo qua đó góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn xã.

2. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án

- Về tổ chức hoạt động: Sau khi kết thúc dự án, Đơn vị chủ trì (Ban Dân tộc), Ban điều hành dự án bàn giao mô hình cho UBND xã Đồng Hưu quản lý và chỉ đạo (có bản cam kết của xã và cam kết của các hộ tham gia, duy trì và nhân rộng mô hình). Cán bộ làm công tác khuyến nông – khuyến lâm xã và hộ tham gia dự án sẽ làm chủ khoa học kỹ thuật và phát triển nhân rộng mô hình.

- Mô hình trồng, phát triển cây nhãn chín sớm T6 Hà Tây là một trong những mô hình sản xuất có hiệu quả được sử dụng cho các thôn, xã trong và ngoài huyện Yên Thế thăm quan học tập và áp dụng để nhân rộng mô hình./.

BAN DÂN TỘC TỈNH BẮC GIANG

**DANH SÁCH 40 HỘ THAM GIA DỰ ÁN, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
GIỐNG NHÂN T6 HÀ TÂY VÀ ĐỐI ỨNG CỦA CÁC HỘ**
**Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép T6 Hà Tây
tại thôn Trại Mới và Mỏ Hương, xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế**
*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc
tỉnh Bắc Giang)*

TT	Họ và tên chủ hộ	Đối tượng	Thôn	Hỗ trợ của nhà nước về giống nhân T6 Hà Tây		Đối ứng của các hộ về vật tư, phân bón (quy theo giá trị)
				Kinh phí (đồng)	Số lượng cây giống	
	Tổng số			308.320.000	3.760	60.000.000
1	Lưu Sỹ Liên	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
2	Lưu Văn Chì	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
3	Hoàng Văn Lâm	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
4	Nông Văn Dũng	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
5	Nguyễn Thị An	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
6	Nguyễn Văn Tuấn	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
7	Phù Tền Hải	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
8	Nguyễn Đình Sơn	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
9	Lê Quang Thọ	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
10	Trần Văn Luân	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
11	Lý Văn Phương	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
12	Hà Văn Vân	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
13	Nguyễn Thị Chính	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
14	Hoàng Văn Cường	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
15	Nguyễn Hữu Tùng	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
16	Hà Văn Nam	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
17	Vũ Ngọc Quang	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
18	Bùi Thị Phú	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
19	Nguyễn Đình Hà	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
20	Hương Văn Nghiêm	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
21	Nguyễn Văn Tuấn	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
22	Phạm Thị My	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
23	Nguyễn Thị Gái	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
24	Nguyễn Thị Phương	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000

25	Dương Thị An	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
26	Mạc Văn Tuấn	Hộ nghèo	Trại Mới	7.708.000	94	1.500.000
27	Lưu Văn Quyền	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
28	Hà Văn Khiết	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
29	Nông Thị An	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
30	Vi Văn Quyền	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
31	Hứa Thị Bình	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
32	Mông Văn Hậu	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
33	Lưu Văn Hưng	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
34	Lưu Văn Vàng	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
35	Mông Văn Phương	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
36	Lưu Văn Tới	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
37	Lý Văn Hồng	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
38	Hoàng Văn Cún	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
39	Hà Văn Sinh	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000
40	Lô Văn Hòa	Hộ nghèo	Mỏ Hương	7.708.000	94	1.500.000

DỰ TOÁN KINH PHÍ

**Dự án xây dựng mô hình trồng, phát triển cây nhãn ghép T6 Hà Tây
tại thôn Trại Mới và Mỏ Hương, xã Đồng Huru, huyện Yên Thế**
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BDT ngày /3/2019 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

- ĐVT kinh phí: VN đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá/định mức chi (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
	Tổng số				410.000.000	
I	Chi xây dựng và quản lý dự án				13.580.000	Ngân sách NN
1	Chi nghiên cứu, lập dự án		1	500.000	500.000	
2	Chi hỗ trợ thành viên BDH dự án trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dân thực hiện dự án	Ngày	112	70.000	7.840.000	
3	Chi chế độ công tác phí cho cán bộ (thuê cán bộ khuyến nông, khuyến lâm xã) trực tiếp tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện dự án tại các hộ	Tháng	8	300.000	2.400.000	
4	Xăng xe cơ quan chủ trì, BDH dự án kiểm tra, giám sát dự án; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và chi khác				2.840.000	
II	Chi hoạt động chuyên môn				396.420.000	
1	Giống cây nhãn ghép T6 Hà Tây (hỗ trợ 94 cây/hộ x 40 hộ = 3.760 cây)	Cây	3.760	82.000	308.320.000	Ngân sách NN
2	Vật tư, phân bón	Cây	3.760		60.000.000	Đối ứng của hộ
3	Tập huấn, chuyển giao KHKT (Hội nghị tổ chức trong 02 ngày)				16.000.000	Ngân sách NN
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (80.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	160.000	6.400.000	
-	Nước uống (30.000đ/đại biểu/ngày x 2 ngày)	Người	40	60.000	2.400.000	
-	Phô tô tài liệu, VPP	Bộ	40	20.000	800.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	4	300.000	1.200.000	
-	Thuê hội trường tại UBND xã	Ngày	2	1.500.000	3.000.000	
-	Máy chiếu, máy vi tính	Ngày	2	1.000.000	2.000.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	
4	Thăm quan, học tập kinh nghiệm mô hình				7.800.000	Ngân sách NN

-	Thuê xe (1 ca xe x 40 người/xe)	Ca xe	1	4.000.000	4.000.000	
-	Tiền ăn	Người	40	80.000	3.200.000	
-	Thù lao báo cáo viên	Buổi	2	300.000	600.000	
5	Hội sơ kết dự án (trong 1/2 ngày)				4.300.000	Ngân sách NN
-	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương	Người	40	40.000	1.600.000	
-	Nước uống	Người	40	15.000	600.000	
-	Phô tô tài liệu	Bộ	40	10.000	400.000	
-	Maket	Khung	1	200.000	200.000	
-	Thuê hội trường	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	